

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

SOMEPHAN VONGPHIM

**ĐỜI SỐNG KINH TẾ, VĂN HÓA CỦA CỘNG ĐỒNG
NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ TẠI TỈNH CHAMPASAK (LÀO)
TỪ NĂM 1986 ĐẾN NĂM 2016**

Ngành: Lịch sử Việt Nam
Mã số: 8.22.90.13

LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. HÀ THỊ THU THỦY

THÁI NGUYÊN - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan: Luận văn này là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Luận văn được hoàn thành dưới sự hướng dẫn khoa học của **PGS.TS. Hà Thị Thu Thủy**. Tài liệu và số liệu trích dẫn trong đề tài là hoàn toàn trung thực, đúng quy định, có nguồn gốc rõ ràng. Những kết quả nghiên cứu của luận văn không trùng lặp với những công trình đã được công bố trước đây.

Tác giả luận văn

Somephan VONGPHIM

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới người hướng dẫn khoa học **PGS.TS. HÀ THỊ THU THỦY** đã tận tình giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện đề tài.

Tôi xin cảm ơn trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên và sự giúp đỡ của các thầy cô giáo khoa Lịch sử. Chân thành tri ân sự chỉ dẫn và giúp đỡ của Thư viện Quốc gia Việt Nam, cán bộ Thư viện Viện nghiên cứu Đông Nam Á. Xin cảm ơn Thư viện Quốc gia Lào, Hội người Việt Nam tại Champasak.

Lời cảm ơn cuối cùng, tôi xin gửi tới bạn bè ở Việt Nam, đồng nghiệp nơi tôi công tác và gia đình đã cổ vũ, giúp đỡ tôi trong suốt thời gian nghiên cứu và thực hiện đề tài.

Xin trân trọng cảm ơn!

Thái Nguyên, ngàytháng năm 2018

Tác giả luận văn

Somephan VONGPHIM

MỤC LỤC

| | |
|--|-----|
| LỜI CAM ĐOAN | i |
| LỜI CẢM ƠN | i |
| MỤC LỤC | iii |
| DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH..... | iv |
| MỞ ĐẦU | 1 |
| 1. Lý do chọn đề tài..... | 1 |
| 2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề | 2 |
| 3. Đối tượng, nhiệm vụ, mục đích và phạm vi nghiên cứu..... | 5 |
| 4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu | 7 |
| 5. Đóng góp của luận văn..... | 7 |
| 6. Bố cục luận văn..... | 8 |
| Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ SỰ HÌNH THÀNH CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ TẠI TỈNH CHAMPASAK | 9 |
| 1.1. Vài nét về tỉnh Champasak | 9 |
| 1.1.1. Lịch sử hành chính | 9 |
| 1.1.2. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên | 10 |
| 1.2. Quá trình hình thành cộng đồng người Việt Nam ở tỉnh Champasak | 11 |
| Tiểu kết chương 1..... | 21 |
| Chương 2: ĐỜI SỐNG KINH TẾ CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ TẠI TỈNH CHAMPASAK TỪ NĂM 1986 ĐẾN NĂM 2016 | 22 |
| 2.1. Nông nghiệp và thủ công nghiệp | 22 |
| 2.2. Công thương nghiệp và dịch vụ | 25 |
| Tiểu kết chương 2..... | 36 |
| Chương 3: ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ TẠI TỈNH CHAMPASAK TỪ NĂM 1986 ĐẾN NĂM 2016 | 37 |
| 3.1. Văn hóa vật chất..... | 38 |
| 3.1.1. Ẩm thực..... | 38 |
| 3.1.2. Trang phục..... | 40 |
| 3.1.3. Nhà cửa..... | 42 |

| | |
|---|----|
| 3.1.4. Phương tiện đi lại, vận chuyển..... | 43 |
| 3.2. Văn hóa tinh thần | 44 |
| 3.2.1. Giáo dục bảo tồn ngôn ngữ Việt | 44 |
| 3.2.2. Tôn giáo, tín ngưỡng | 47 |
| 3.2.3. Hôn nhân và gia đình | 51 |
| 3.2.4. Tang ma..... | 56 |
| 3.2.5. Lễ tết..... | 58 |
| Tiểu kết chương 3..... | 61 |
| KẾT LUẬN | 62 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 64 |
| PHỤ LỤC | |

DANH MỤC CÁC BẢNG

| | |
|--|----|
| Bảng 1.1. Dân số và mật độ dân số tỉnh Champasak năm 2016 | 12 |
| Bảng 1.2. Thống kê số người Việt Nam nhập cảnh tại Champasak từ năm (2011 - 2016)..... | 19 |
| Bảng 2.1. Số lượng người Việt và cơ cấu nghề nghiệp..... | 34 |
| Bảng 3.1. Thống kê học sinh (2011 - 2016) | 46 |
| Bảng 3.2. Thống kê phụ nữ Việt Nam kết hôn với người Lào (1975 - 1995)..... | 51 |

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Lào là một quốc gia nằm ở khu vực Đông Nam Á, có lịch sử và văn hóa lâu đời, có truyền thống yêu nước sâu sắc và tinh thần đoàn kết với các nước trong khu vực cũng như các nước yêu hòa bình trên thế giới.

Với 2.067 km đường biên giới chung, Việt Nam - Lào là hai nước láng giềng anh em gần gũi, có mối quan hệ chặt chẽ nhiều mặt trong quá khứ cũng như trong hiện tại, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên và văn hóa. Nhân dân hai nước có truyền thống đoàn kết hữu nghị lâu đời. Trong tiến trình phát triển lịch sử, một bộ phận người Việt Nam đã di cư tới Lào làm ăn sinh sống. Sự thân thiết, tính cởi mở của người Lào đã tạo điều kiện cho bộ phận cư dân người Việt hội nhập và trở thành một bộ phận của xã hội Lào. Cùng với người Lào, người Việt đã đóng góp nhiều mặt cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước, đồng thời đóng vai trò quan trọng, là cầu nối thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị Việt - Lào ngày càng tốt đẹp hơn.

Năm 1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ anh dũng của nhân dân Việt Nam và Lào giành thắng lợi. Hai nước bước vào thời kỳ xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phù hợp với xu thế quốc tế hóa, toàn cầu hóa hiện nay, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nước Lào thực hiện chính sách mở rộng hợp tác quốc tế, tạo điều kiện cho nước ngoài vào đầu tư tại Lào. Trong bối cảnh đó, Lào đã nhận được sự ủng hộ và giúp đỡ từ Việt Nam. Người Việt đến Lào, làm ăn và sinh sống bằng nhiều nghề khác nhau từ Bắc Lào đến Nam Lào. Có thể nói rằng: *“Bất cứ tỉnh nào ở Lào đều nhìn thấy bạn Việt Nam”*.

Champasak là một tỉnh nằm ở miền nam Lào và là nơi có khá đông người Việt cư trú, có những gia đình người Việt đã trải qua bảy thế hệ sinh sống tại đây. Vì thế, Lào đã trở thành tổ quốc thứ hai của họ. Trong quá trình cộng cư ở Lào, người Việt đã tạo nên một cộng đồng với hoạt động kinh tế - văn hóa mang những nét đặc trưng riêng.

Hiện nay, giới khoa học nghiên cứu về Lào chủ yếu quan tâm đến lịch sử đấu tranh giành độc lập hoặc chú trọng đến mối quan hệ ngoại giao Việt - Lào trong lịch sử, những nghiên cứu về hoạt động kinh tế - văn hóa của người Việt tại Lào và giao thoa văn hóa Việt - Lào ít được quan tâm nghiên cứu. Vì vậy, việc nghiên cứu về hoạt động kinh tế, văn hóa của cộng đồng người Việt tại tỉnh Champasak (Lào) từ năm 1986 đến năm 2016 không chỉ làm rõ về quá trình di cư và hình thành cộng đồng người Việt ở Champasak (Lào) mà quan trọng hơn là đi sâu nghiên cứu về hoạt động kinh tế, văn hóa của người Việt tại đây, góp phần làm rõ sự giao thoa văn hóa Việt - Lào, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm mang tính chất tham khảo nhằm thúc đẩy quan hệ hữu nghị hợp tác Việt - Lào ngày càng bền vững hơn.

Từ nhận thức trên tôi chọn nghiên cứu ***“Đời sống kinh tế, văn hóa của cộng đồng người Việt định cư tại tỉnh Champasak (Lào) từ năm 1986 đến năm 2016”*** làm đề tài luận văn thạc sĩ.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Vấn đề người Việt và đời sống kinh tế, văn hóa của người Việt tại Lào đã được đề cập trong một số công trình nghiên cứu, ở những mức độ và khía cạnh khác nhau cụ thể”

2.1. Các tác giả Việt Nam

Với tư cách là nước láng giềng gần gũi, các nhà khoa học Việt Nam đã có những công trình nghiên cứu về Lào nhiều phương diện. Tuy nhiên, số lượng các

công trình nói chung chưa nhiều và cho đến nay chưa có một công trình chuyên khảo nào về hoạt động kinh tế - văn hóa của cộng đồng người Việt tại tỉnh Champasak từ năm 1986 đến năm 2016. Có thể dẫn ra đây một số tác giả và công trình tiêu biểu như:

Công trình *“Nhiệm vụ đường lối và phương châm của tổ chức cách mạng Việt kiều từ năm 1945 đến năm 1976”* của Ban Đông Nam Á, xuất bản năm 1976 đã tập trung trình bày về các nhiệm vụ, đường lối và phương châm của tổ chức cách mạng Việt kiều từ năm 1945 đến năm 1976.

Công trình *“Về lịch sử - văn hóa ba nước Đông Dương”* của Viện nghiên cứu Đông Nam Á xuất bản năm 1983 đã trình bày về quá trình và đặc điểm lịch sử, văn hóa của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia; Những điểm tương đồng và dị biệt về văn hóa giữa ba nước. Công trình là một tài liệu có giá trị, đem lại cái nhìn tổng quát khi nghiên cứu về lịch sử, văn hóa ba nước Đông Dương.

Cuốn *“Người Việt ở Thái Lan - Campuchia - Lào”* do PGS.TS Nguyễn Quốc Lộ chủ biên, Nhà xuất bản Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 2006 đã trình bày một cách khái quát về sự xuất hiện của người Việt tại Thái Lan, Campuchia, Lào qua các thời kì lịch sử, những đóng góp thiết thực của Việt kiều trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ cứu nước. Đồng thời, tác giả còn đề cập đến các hoạt động kinh tế và việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Cuốn sách *“Vai trò của cộng đồng người Việt ở Lào trong mối quan hệ Việt Nam - Lào”* của tác giả Phạm Đức Thành được Nhà xuất bản Khoa học Xã hội xuất bản năm 2008 đã trình bày về quá trình nhập cư của người Việt vào Lào trong quá khứ và vai trò của Việt kiều với mối quan hệ Việt - Lào.

Trong cuốn *“Di cư và chuyển đổi lối sống - Trường hợp cộng đồng người Việt tại Lào”* được Nhà xuất bản Thế giới xuất bản năm 2008, tác giả Nguyễn Duy Thiệu đã đi sâu nghiên cứu về quá trình di cư của người Việt đến Lào trong quá khứ, sự thay đổi trong quá trình cộng cư và lối sống hòa đồng của người Việt tại Lào. Đồng thời, nêu lên các chủ trương, đường lối chính sách của chính phủ Lào đối với người Việt, từ đó, rút ra những nhận xét khái quát của tác giả về cộng đồng người Việt tại Lào.

Đề tài cấp Viện *“Nghĩ lễ vòng đời của người Việt ở Lào và vấn đề giao thoa văn hóa Việt Lào”* của tác giả Phạm Thị Mùi đã khái quát vài nét về người Việt ở Lào với những thay đổi trong tôn giáo, tín ngưỡng, xã hội. Đồng thời, trình bày tương đối đầy đủ và khoa học về nghĩ lễ vòng đời, nghĩ lễ liên quan đến sinh đẻ của người Việt ở Lào, bảo lưu và hội nhập trong mối tương quan so sánh với người Lào và người Việt ở Việt Nam.

Liên quan đến đề tài luận văn nghiên cứu còn các bài báo viết về người Việt đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước như: *“Cộng đồng người Việt ở Lào sinh tồn và giữ gìn bản sắc”* của tác giả Nguyễn Duy Thiệu in trên Tạp chí Đông Nam Á số 2(2007); *“Nguyên nhân và các đợt di dân của người Việt đến Lào”* của tác giả Vũ Thị Vân Anh, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 2 (2007).

2.2. Các tác giả Lào

Trong số những công trình nghiên cứu của người Lào mà chúng tôi tiếp cận được, nổi bật lên một số công trình như sau:

Bài báo: *“Yếu tố Việt trong tiến trình giao lưu, tiếp xúc văn hóa tại Lào”* của tác giả của Khampheng Thipmountaly đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, 2007 đã trình sơ lược về vấn đề người Việt khi sinh sống, lập nghiệp trên đất Lào cũng như những ảnh hưởng của văn hóa Lào

với cộng đồng người Việt về tiếng nói, nghi lễ hôn nhân, tín ngưỡng tôn giáo, ăn, ở, mặc...

Bài báo: “*Tiếp xúc giao lưu và chuyển đổi bản sắc tộc người trong nhóm hôn nhân hỗn hợp Lào - Việt Nam, Việt Nam - Lào*” của tác giả Xomthon Yerlobliayao đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, 2007 đã trình bày đặc điểm tình trạng hôn nhân giữa người Lào và người Việt Nam; Những kết quả điều tra về vấn đề phụ nữ Việt Nam lấy chồng Lào; Những chuyển đổi về mặt văn hóa - xã hội trong nhóm hôn nhân hỗn hợp Lào - Việt Nam, Việt Nam - Lào.

Năm 2015, Nhà xuất bản Nhà nước Lào đã xuất bản cuốn: “*Lịch sử tỉnh Champasak (Lãnh thổ văn minh quốc gia Champasak cổ xưa)*” của Ủy ban nghiên cứu, biên soạn và viết lịch sử tỉnh Champasak. Cuốn sách đã trình bày về tỉnh Champasak từ thời quá khứ đến 2015 về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh Champasak.

Nhìn chung, các nhà nghiên cứu người Lào, người Việt đã đạt được nhiều thành tựu trong việc nghiên cứu về lịch sử Lào, Việt. Tuy nhiên, việc nghiên cứu một cách cụ thể về hoạt động kinh tế - văn hóa của cộng đồng người Việt tại tỉnh Champasak (Lào) còn đang là khoảng trống. Vì vậy, tất cả những công trình kể trên đều là những nguồn tư liệu quý giá, có ý nghĩa với tác giả trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

3. Đối tượng, nhiệm vụ, mục đích và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là hoạt động kinh tế, văn hóa của cộng đồng người Việt. Cụ thể, cộng đồng người Việt luận văn nghiên cứu bao gồm người Lào gốc Việt (đã nhập tịch), Việt Kiều (định cư nhưng chưa nhập

tịch) và những người Việt cư trú tạm thời tại tỉnh Champasak (Lào) từ năm 1986 đến năm 2016.

3.2. *Nhiệm vụ nghiên cứu*

Luận văn là công trình nghiên cứu khoa học về người Việt tại Lào, trong đó trọng tâm là tìm hiểu hoạt động kinh tế, văn hóa của người Việt tại tỉnh Champasak. Để làm sáng tỏ nội dung luận văn, tập trung nghiên cứu những vấn đề trọng yếu sau:

- Nguyên nhân và quá trình định cư của người Việt tại tỉnh Champasak qua các thời kì lịch sử.
- Hoạt động sống kinh tế chủ yếu của người Việt tại tỉnh Champasak.
- Đời sống văn hóa của người Việt tại tỉnh Champasak và giao thoa văn hóa Việt - Lào thể hiện qua tín ngưỡng tôn giáo, phong tục, tập quán...
- Rút ra các nhận xét, đánh giá chung về kinh tế, văn hóa của người Việt tại tỉnh Champasak.

3.3. *Mục đích nghiên cứu*

Làm rõ về điều kiện tự nhiên, tình hình kinh tế xã hội và quá trình hình thành cộng đồng người Việt Nam ở Champasak (Lào), từ đó tập trung nghiên cứu về hoạt động kinh tế, văn hóa của người Việt tại đây, góp phần làm rõ sự giao thoa văn hóa Việt - Lào, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm mang tính chất tham khảo nhằm thúc đẩy quan hệ hữu nghị hợp tác Việt - Lào ngày càng bền vững hơn.

3.4. *Phạm vi nghiên cứu*

- Phạm vi nghiên cứu của luận văn về không gian là tỉnh Champasak (Lào).
- Phạm vi thời gian mà luận văn bao quát là từ năm 1986 đến năm 2016.

Tuy nhiên, để có thể tìm hiểu được những nguyên nhân cũng như quá trình định cư của người Việt tại tỉnh Champasak, luận văn phải mở rộng phạm vi thời gian nghiên cứu về trước năm 1986.

4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu

4.1. Nguồn tài liệu

Để hoàn thành luận văn, chúng tôi dựa trên các nguồn tài liệu chủ yếu như:

Các công trình nghiên cứu về lịch sử Việt Nam và Lào trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa... đặc biệt là trong thời kì lịch sử mà Luận văn hướng tới. Ngoài ra, phải kể đến các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, cử nhân, các báo cáo trong các hội thảo, các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành. Nguồn tài liệu này bao gồm cả tiếng Việt và tiếng Lào đã được dịch hoặc nguyên bản và được lưu giữ tại các trung tâm nghiên cứu và các thư viện lớn của Việt Nam (Thư viện Quốc gia Việt Nam, Thư viện Viện nghiên cứu Đông Nam Á thuộc Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam...). Tài liệu lưu trữ của Hội Người Việt Nam tại tỉnh Champasak. Tài liệu điền dã của tác giả đề tài.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện, đề tài sử dụng hai phương pháp chính là *phương pháp lịch sử* và *phương pháp logic* đồng thời, để làm rõ đời sống kinh tế - văn hóa của cộng đồng người Việt tại Champasak, *phương pháp điền dã* được chúng tôi chú ý vận dụng. Ngoài ra, luận văn còn sử dụng các *phương pháp tổng hợp* và *phân tích, so sánh đối chiếu, thống kê* và biểu đồ hóa để luận văn có cái nhìn tổng quát hơn.

5. Đóng góp của luận văn

- Luận văn là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách cụ thể và hệ thống về quốc sống kinh tế, văn hóa của người Việt tại tỉnh Champasak (Lào).

- Luận văn có thể sử dụng như một công trình tham khảo, phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy về lịch sử quan hệ quốc tế, lịch sử Đông Nam Á, lịch sử Lào, lịch sử văn hóa, tộc người.

- Luận văn là cứ liệu lịch sử khẳng định quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào trong quá khứ và hiện tại.

6. Bố cục luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục, thư mục tài liệu tham khảo và mục lục, nội dung của Luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Khái quát về sự hình thành cộng đồng người Việt Nam định cư tại tỉnh Champasak.

Chương 2: Đời sống kinh tế của cộng đồng người Việt Nam định cư tại tỉnh Champasak từ năm 1986 đến năm 2016.

Chương 3: Đời sống văn hóa của cộng đồng người Việt Nam định cư tại tỉnh Champasak từ năm 1986 đến năm 2016.

Chương 1

KHÁI QUÁT VỀ SỰ HÌNH THÀNH CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ TẠI TỈNH CHAMPASAK

1.1. Vài nét về tỉnh Champasak

1.1.1. Lịch sử hành chính

Vương quốc Chămpa có tên cổ là Naka Buli nằm ở khu vực huyện Champasak hiện nay. Trong đó có nhóm người Lạ vac (Lào đơm) cư trú. Sau đó có một số tộc người khác sang định cư như Cham, Khom. Vương quốc này có Hùng Vương tên là Khất Tha Nam cai trị đến thế kỷ III. Nhóm Khom của Punun đã mở rộng lãnh thổ khổng chế vương quốc Champasak từ thế kỷ V đến thế kỷ VI, xây dựng Vất phu Champasak. Đến thế kỷ VIII vương quốc Khom suy yếu, vương quốc Champasak được độc lập. Đến thế kỷ X vương quốc Champasak lại bị vương quốc Khom khổng chế lần nữa. Thế kỷ XIV, vua Fa Ngum Maharashtra đã thống nhất các tiểu vương quốc, thành lập quốc gia Lan Xang (Triệu Voi). Vương quốc Lan Xang bước vào giai đoạn thịnh vượng ở các thế kỷ XV - XVII. Vua Lan Xang chia đất nước thành các mường, đặt quan cai trị, xây dựng quân đội do nhà vua chỉ huy. Sang thế kỷ XVIII, Lan Xang suy yếu dần vì những cuộc tranh chấp ngôi báu trong hoàng tộc. Sau khi vua Xu-li-nha Vông-xa qua đời, nước Lan Xang bị chia cắt thành ba tiểu quốc đối nghịch nhau: Luông Pha - bang, Viêng Chăn và Champasak. Nhân cơ hội đó, Xiêm đã chiếm và cai trị Lào. Năm 1827, Chậu A Nụ đã phát cờ khởi nghĩa, chống ách thống trị của Xiêm, nhưng bị thất bại. Lào tiếp tục là thuộc địa của Xiêm. Tình trạng đó kéo dài đến khi thực dân Pháp xâm lược và biến Lào thành

thuộc địa vào năm 1893. Đến năm 1899, Lào trở thành một xứ nằm trong Liên bang Đông Dương thuộc Pháp.

Trải qua những năm tháng đấu tranh gian khổ, nhân dân Lào đã tiến hành nhiều cuộc đấu tranh bất khuất trên toàn lãnh thổ để chống lại ách nô dịch tàn bạo của thực dân Pháp, tiếp đó là đế quốc Mỹ. Năm 1975, nước Lào hoàn toàn giành được độc lập. Ngày 2 tháng 12 năm 1975, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào chính thức được thành lập do Hoàng thân Xuphanuvông làm Chủ tịch. Theo quyết định của Chính phủ Lào, Champasak là một tỉnh của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào [34].

1.1.2. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

Tỉnh Champasak, nằm ở phía Nam nước Lào có tổng diện tích là 15.415 km². Là một tỉnh lớn nằm ở vị trí trọng yếu trên điểm giao của hành lang Đông-Tây, giáp biên giới với Thái Lan và Campuchia. Tiếp giáp với Champasak về phía Bắc là tỉnh Salavan có chiều dài 140 km, phía Đông giáp với tỉnh Sekong và Attapur có chiều dài 180 km, phía Nam giáp với tỉnh Siêng Teang của Vương quốc Campuchia có chiều dài 135 km và giáp với tỉnh của Thái Lan về phía Tây là Ubon Ratsathani có chiều dài 233 km [34].

Xét về diện tích, Champasak là tỉnh lớn nhất nước Lào, là trung tâm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và du lịch của Nam Lào, có vị trí chiến lược về kinh tế, là đầu mối giao thông từ Thái Lan, Campuchia, từ Trung Lào xuống và đi sang phía Đông. Thủ phủ của Champasak là thị xã Pakse, là trung tâm kinh tế, thương mại, văn hóa của cả 4 tỉnh Nam Lào, cách Viêng Chăn trên 650 km. Sân bay Pakse đã được nâng cấp thành sân bay quốc tế cấp khu vực vào tháng 3/2002. Do vị trí địa lý giáp Thái Lan, Campuchia nên Champasak có thêm lợi thế phát triển kinh tế mậu biên.

Năm 2015, tỉnh Champasak có tổng diện tích sản xuất là 1,535,000 ha. Trong đó, diện tích đất lâm nghiệp có 1,080,033 ha, chiếm 70,36%, đất sản xuất nông nghiệp có 303.944 ha, chiếm 19,80%, đất chuyên dùng, đất ở là 103.523 ha, chiếm 6,74% và diện đất khác là 47.500 ha, chiếm 3,10%, diện tích cao nguyên có 26 %, diện tích đồng bằng có 74 %. Tài nguyên rừng phong phú, cao nguyên, đất đai màu mỡ là điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Nơi đây được coi là một trong những vựa lúa lớn nhất của Lào.

Champasak còn có nhiều tiềm năng phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản, thủy điện, và đặc biệt là du lịch với nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Như hiện nay tỉnh Champasak được chia thành 3 khu vực kinh tế: Khu vực chuyên canh cây công nghiệp và chuyên canh lúa, ngô, khoai sắn; khu vực công nghiệp rộng 2.500 hecta; khu vực xây dựng kinh tế - chính trị - văn hóa - du lịch.

1.2. Quá trình hình thành cộng đồng người Việt Nam ở tỉnh Champasak

Qua thống kê mới nhất (năm 2015), Champasak có tổng dân số là 694.023 người, trong đó nữ 348.800 người. Mật độ dân số trung bình 45 người/km²; có 129.987 hộ gia đình. Và có 9 dân tộc anh em.

Về phân bố hành chính, Champasak có 10 huyện: Pakse, Champasak, PhonThong, Sukhuma, Munlapamok, Song, Pathumpon, Bachieng, Pakxong và Sanasom boun. Trong đó huyện có người Việt sinh sống đông nhất là huyện Pakse.

Bảng 1.1. Dân số và mật độ dân số tỉnh Champasak năm 2016

| TT | Huyện, TP | Diện tích (km²) | Dân số (người) | Mật độ (người/km²) |
|----------------|-------------------|---------------------------------------|---------------------------|--|
| 1 | Huyện Pakse. | 3124 | 104.499 | 119 |
| 2 | Huyện Champasak | 2941 | 92.676 | 48 |
| 3 | Huyện Pakxong | 3202 | 94.688 | 39 |
| 4 | Huyện Sanasomboun | 976 | 59.881 | 35 |
| 5 | Huyện Phonthong | 867 | 68.279 | 37 |
| 6 | Huyện Ba chieng | 947 | 27.978 | 26 |
| 7 | Huyện Pakxeng | 918 | 39.967 | 28 |
| 8 | Huyện Pathumpon | 785 | 65.889 | 31 |
| 9 | Huyện Song | 866 | 74.795 | 34 |
| 10 | Huyện Munlapamok | 789 | 65.371 | 32 |
| Tổng số | | 15.415 | 694.023 | 45 |

Nguồn: Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Champasak năm 2016 [28; tr.18-23]

Lào và Việt Nam có chung 2.067 km đường biên giới. Từ xa xưa, hai nước đã có quan hệ về địa lý, văn hóa và lịch sử. Vì vậy, hiện tượng người Lào đến Việt Nam cũng như người Việt Nam đến Lào làm ăn, sinh sống thường xuyên diễn ra.

Theo thư tịch cổ ghi chép đầu tiên về quan hệ Việt Nam - Lào, từ năm 550 thời tiền Lý, khi bị quân Lương đàn áp, Lý Nam Đế buộc phải lánh nạn và anh ruột của vua là Lý Thiên Bảo đã chạy sang Lào lập căn cứ chống giặc

ngoại xâm, bồi dưỡng lực lượng làm nơi nương tựa để tìm đường khôi phục vương triều [24,tr:49]. Tuy nhiên, có thể thấy, việc di dân đến Lào của các triều phong kiến dưới thời Nguyễn diễn ra lẻ tẻ không tạo thành các đợt di cư cụ thể. Thế kỷ XIX, triều Nguyễn với chính sách cấm đạo và sát đạo trên khắp cả nước khiến nhiều người công giáo đã buộc phải bỏ làng chạy sang các nước láng giềng như Lào, Thái Lan. Nhiều nhà thờ hiện nay ở Lào và Thái Lan là do các giáo dân và giáo sỹ người Việt Nam góp sức cùng với cộng đồng giáo dân là người bản xứ xây dựng. Điển hình là ở trung và nam Lào với các nhà thờ ở Pakse (Champasak). Ngoài lý do trên, do thiên tai, mất mùa, dịch bệnh, chế độ lao dịch và hàng loạt các loại sưu cao thuế nặng thời Nguyễn khiến người dân lâm vào tình trạng đói khổ, buộc phải chạy sang Lào để tìm kế sinh nhai.

Trong ký ức của nhiều người Việt sinh sống trên đất nước Lào vẫn còn lưu giữ những câu chuyện do ông bà của họ kể lại về quá trình di cư sang Lào là do ở Việt Nam đói khổ nên họ phải bỏ làng xóm và tìm đường sang Lào. Họ đi thành nhiều nhóm, mỗi nhóm khoảng chừng 12 người, mọi người đều đi qua đường Galiki (đường số 15), nên phải mất gần 2 năm mới đến Lào. Thời Pháp thuộc, số lượng người Việt di cư sang Lào bằng con đường chính thức do Pháp đưa người Việt sang làm quản lý lao động trong các lĩnh vực như xây dựng cơ sở hạ tầng, đường xá hoặc phi chính thức do di dân tự phát đã tăng lên nhanh chóng. Người di cư Việt Nam tập trung ở các tỉnh trung và miền Nam của Lào.

Theo lời kể của ông Đức, 71 tuổi Việt kiều bản PhaHin, huyện Pakse tỉnh Champasak: Tôi là người Việt thế hệ thứ 3, được nghe ông bà kể lại, trước khi sang Lào đã từng sống ở tỉnh Quảng Trị. Thời kỳ Pháp thuộc, ông nội bị thực dân Pháp đưa sang đây làm đường số 13 và ở lại Lào tại Pakse - một bản gần ven đường số 13, hiện nay thuộc huyện Pakse, sau đó ông nội chuyển từ

bản Pakse sang bản PhaHin, huyện Pakse, tỉnh Champasak gần sông Sedone. Đây là khu vực có đất làm ruộng và chăn nuôi khá rộng nên định cư lại.

Có thể thấy, thời Pháp thuộc, hàng ngàn người Việt Nam làm phu mở những con đường chiến lược sang Lào như: đường nối liền đường số 6 Viêng Chăn - Hà Nội, đường số 13 Sài Gòn - Krachie - Pakse - Luongprabang, đường số 12 ThaKhec hạ Lào, đường số 7 Luongprabang - Xiengkhoung - Phú Diễn, Nghệ An, đường số 8 Tha khéc - Vinh, đường số 9 Đông Hà - Quảng Trị - Savannakhet. Năm 1912, hệ thống đường xá thuộc địa nói chung của Đông Dương chưa phát triển, trong đó Lào lại là nơi kém phát triển nhất. Chính vì vậy, Pháp phải tăng cường nhiều nhân công, đặc biệt là đưa nhân công người Việt Nam sang Lào làm phu đường nhằm mở mang đường xá, phục vụ cho cuộc khai thác thuộc địa tại xứ Lào. Ngoài ra, Pháp đưa người Việt sang đây làm cu li đồn điền trồng các loại cây công nghiệp.

Tính đến năm 1930, ở Lào có trên 41.370 người Việt chủ yếu là tiểu thương và thợ thủ công. Phần lớn cư trú ở Luôngprabang và Viêng Chăn. Ngoài để phục vụ quá trình đẩy mạnh khai thác thuộc địa ở Lào, thực dân Pháp đã đưa nhiều người Việt sang làm công chức trong bộ máy chính quyền thuộc địa ở Lào đã tạo thành cộng đồng người Việt. Đặc biệt khi nạn đói năm 1945 do Nhật và Pháp gây ra ở miền Bắc và Trung Việt Nam nhiều người Việt từ các tỉnh trung bộ như Thừa thiên Huế, Nghệ Tĩnh, Quảng Trị theo đường số 8 sang tỉnh Thakhec và theo đường số 9 sang tỉnh Savannakhet và các tỉnh hạ Lào [24,tr:69]. Nếu như năm 1912, số người Việt ở Lào chỉ có 900 người, đến năm 1930 con số ấy là 41.370 người. Điều đó thể hiện sức hấp dẫn của nước Lào thời kỳ khủng hoảng kinh tế sau chiến tranh thứ nhất đồng thời là kết quả

chính sách di rời người Việt từ khu vùng đồng bằng Bắc bộ Việt Nam sang Lào trong chiến lược khai thác thuộc địa của Pháp ở Đông Dương [19, tr:20-22].

Sau khi chiến tranh thế giới thứ 2 xảy ra sau khi phát xít Nhật chiếm Đông Dương, thay thế Pháp, đã sức đàn áp người Lào và cộng đồng người Việt trên toàn nước Lào. Trong bối cảnh đó, Liên minh Việt - Lào được thành lập. Lực lượng chủ chốt của liên minh này chủ yếu là lớp thanh niên và trung niên người Việt cùng một số thành niên Việt kiều từ Thái Lan sang phối hợp cùng với quân đội Lào kháng chiến chống Pháp trong âm mưu tái chiếm Đông Dương. Tháng 3 năm 1946, thực dân Pháp mở cuộc hành quân lớn vào thị xã Thakhec, Pakse và Viêng Chăn, nhiều Việt kiều ở vùng này buộc phải tản cư sang ISản (vùng Đông Bắc) của Thái Lan và ở lại sinh sống. Hòa bình lập lại, từ năm 50-60 của thế kỷ XIX, một số Việt kiều ở Thái Lan trở lại Lào làm ăn buôn bán và cũng có một số người Việt từ miền Nam của Việt Nam qua cửa khẩu Lao Bảo sang kiếm sống rồi định cư lại Lào.

Ở Champasak giai đoạn từ năm 1955 trở đi, một số người Việt sang đây theo đường số 13 ở lại một số huyện ở ven đường số 13 (Khongsedon và Pakse). Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, một số người Việt Nam sang tỉnh Champasak làm ăn và kết hôn với người bản xứ tại vùng nông thôn đồng thời cũng có một số người Việt Nam tại tỉnh khác của Lào sang Champasak để làm ăn và định cư tại đây.

Sau năm 1975, cư dân Việt Nam sống ở dọc biên giới giữa hai nước Việt Nam Lào đã gặp nhiều khó khăn. Chính phủ Thái Lan lại thi hành chính sách mở cửa, đưa hàng hóa vào thị trường Lào nên đời sống của dân cư Lào lúc này dễ chịu hơn người Việt khá nhiều. Do lực hút đó, làn sóng di dân Việt trong thời gian này tăng lên, nhiều người vượt biên sang Lào, đặc biệt là các thương nhân mua bán, vận chuyển hàng Thái về Việt Nam, từ Việt Nam quần bò, áo

phông, hàng mỹ phẩm nhãn hiệu Thái lại được chuyển qua Liên Xô và Đông Âu. Trong quá trình buôn bán không ít người Việt đã kết hôn với người Lào, định cư làm ăn sinh sống lâu dài ở Lào.

Từ các nguyên nhân kể trên có thể thấy, vấn đề di dân tự do và kết hôn thậm chí là kết hôn không giá thú, đã tồn tại nhiều năm do đặc điểm dân tộc, thân thuộc lâu đời giữa nhân dân hai biên giới. Hiện nay, mặc dù hai bên Việt Nam - Lào đã tích cực ngăn chặn xử lý số người nhập cư trái phép, nhưng tình trạng đó không giảm mà có chiều hướng gia tăng. Tính đến năm 1996, số dân Việt Nam sang Lào sinh sống dọc theo biên giới là 13 hộ với 46 người. Năm 1998, phía Lào thông báo cho Việt Nam có 120 hộ với 892 người Việt Nam di cư trái phép sang Lào. Thống kê của Lào năm 2005, có 702 hộ với 6.508 người Việt Nam đã di cư tự do sang Lào. Những năm gần đây, sự qua lại của người Việt Nam sang Lào tăng hơn, bằng nhiều con đường khác nhau. Một là, thăm thân nhân rồi tìm cách ở lại sinh sống ở Lào; hai là, sang Lào theo giấy thông hành của hai tỉnh kết nghĩa nhưng tiến sâu vào nội địa, hết hạn giấy thông hành lại xin gia hạn rồi tìm cách ở lại Lào; ba là, sang Lào tìm kiếm công ăn việc làm, buôn bán hoặc sang du lịch rồi ở lại không về nước.

Champasak là một trong 3 tỉnh của Lào với các dự án hợp tác phát triển kinh tế “Ba quốc gia mười thành phố” gọi là Tam giác Vàng hay Tam giác phát triển ba nước Đông Dương Việt Nam - Lào - Campuchia. Hiện nay, Champasak có nhiều người nước ngoài đến làm ăn sinh sống, trong đó người Việt Nam chiếm số lượng nhiều nhất, có thể chia cộng đồng người Việt nam định cư tại tỉnh Champasak thành ba bộ phận như sau: Bộ phận Việt Kiều là những người Việt Nam định cư ở Lào từ lâu đời nhưng chưa nhập quốc tịch Lào. Việt Kiều được chính phủ Lào cho phép định cư ở Lào với những quy định cụ thể. Tuy được cấp hộ khẩu và chứng minh thư Lào nhưng họ vẫn mang quốc tịch Việt

Nam, họ được nhà nước Lào quản lý theo những quy định của ngoại kiều không được tham gia bầu và ứng cử ở Lào. Người Lào lấy vợ hay chồng là người Việt hay người Việt lấy vợ chồng là người Lào, con cái của họ có quyền chọn quốc tịch của bố hay mẹ. Bộ Công An Lào chấp nhận cho các con cháu nhập quốc tịch Lào nếu bố mẹ chúng đồng ý. Do vậy, có một thực tế, có những quy định của Lào đòi bố mẹ chúng không được phép làm, đến đời con cháu được phép làm nếu có quốc tịch Lào. Theo thống kê của Sở Chỉ huy bảo vệ an ninh tỉnh Champasak, tính đến 2015, tổng số Việt Kiều đã đăng ký hộ khẩu màu đỏ là hơn 2628 người; Việt Kiều chiếm 0,37 % dân số của cả tỉnh Champasak tập trung sinh sống và làm ăn ở 10 huyện, nhiều nhất là huyện trong Pakse, Paksong, Bachieng. Ở tỉnh Champasak Hội người Việt (còn gọi là Hội Việt Kiều), được thành lập năm 1993, dưới sự chỉ đạo của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Lào. Việt Kiều ở tỉnh Champasak luôn chấp hành, chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng, nhà nước Lào, tích cực tham gia đóng góp vào các hoạt động xã hội của nơi cư trú. Bên cạnh đó, họ luôn luôn hướng về tổ quốc thân yêu của mình bằng việc làm như hưởng ứng tích cực giúp đỡ đồng bào trong nước, ủng hộ giúp đỡ nạn nhân, chất độc màu da cam, các đoàn bộ đội Việt Nam sang tìm hài cốt các đồng đội đã hy sinh tại đất Lào [21].

Bộ phận thứ hai là người Việt Nam đã nhập quốc tịch Lào gọi là người Lào gốc Việt. Những người Việt nhập quốc tịch Lào có quyền lợi và nghĩa vụ đầy đủ như người Lào. Họ được làm tất cả mọi ngành nghề như người Lào, có thể mua bán đất động sản như nhà ở, đất, xe và được cấp giấy phép kinh doanh, được học tại các trường học ở Lào, kể cả trường Đại học trong nước và nước ngoài. Từ năm 1993-1994, Chính phủ Lào cho phép người Việt nhập quốc tịch Lào. Công dân nước ngoài hoặc người không có quốc tịch Lào có thể được nhập quốc tịch theo đơn xin gia nhập quốc tịch của người đó, nếu có đủ các

điều kiện như từ tuổi từ 18 trở lên, tuân thủ hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, biết nói, viết, đọc chữ Lào thành thạo, có bằng chứng có thể chứng minh mình đã hòa nhập vào cộng đồng xã hội và phong tục tập quán Lào; tôn trọng truyền thống, phong tục tập quán của dân tộc Lào, có sức khỏe tốt, không mắc bệnh truyền nhiễm, không nghiện ma túy, không có tiền án, tiền sự, có công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Lào, không gây thiệt hại đến lợi ích của tổ quốc Lào, đã thôi hoặc đã từ bỏ quốc tịch cũ của mình, đã ở Lào liên tục từ 10 năm trở lên, đã có hộ nhân khẩu và chứng minh thư do Lào cấp; riêng với người có trình độ chuyên môn bậc chuyên gia quy định thời hạn trên có thể giảm xuống, có cuộc sống kinh tế ổn định [25, tr. 65].

Bộ phận thứ ba là người Việt cư trú tạm thời. Đây là những người Việt sang Lào sau năm 1975, họ có giấy tờ hợp lệ như giấy Thông hành hay Hộ chiếu do chính quyền các tỉnh vùng biên giới cấp. Theo quy định của hai nước, người có các loại giấy Thông hành này không thể đi sâu vào nội địa Lào, nếu hết hạn mà không xin gia hạn vẫn tiếp tục ở lại Lào nếu bị phát hiện thì sẽ bị công an Lào phạt tiền (300.000 kíp/người tương đương 810.000 đồng). Công nhân Việt Nam làm việc trong các công trình hay dự án nếu quá hạn lưu trú mà không gia hạn thì các chủ doanh nghiệp, chủ công trình hay sự án sẽ bị phạt (250 USA/người) [16, tr. 34-35]. Phần lớn người Việt cư trú tạm thời ở Lào đều chưa có cuộc sống ổn định, họ thường sống tập trung từ 2 đến 3 gia đình nhau thuê nhà làm ăn sinh sống.

Ở tỉnh Champasak, người Việt định cư tạm thời chiếm số lượng nhiều nhất trong tổng số người Việt ở Lào theo báo cáo của công an quản lý người nước ngoài tỉnh Champasak, số lượng thống kê người Việt định cư tạm thời như sau:

**Bảng 1.2. Thống kê số người Việt Nam nhập cảnh tại Champasak
từ năm (2011 - 2016)**

| TT | Năm | Dân số người Việt Nam cư trú tạm thời | | | Số lượng nhập cư trái Phép |
|----|-----------|---------------------------------------|------|-----|----------------------------|
| | | Tổng số | Nam | Nữ | |
| 1 | 2011-2012 | 1243 | 898 | 345 | 0 |
| 2 | 2012-2013 | 1975 | 1557 | 418 | 0 |
| 3 | 2013-2014 | 1533 | 1257 | 276 | 0 |
| 4 | 2014-2015 | 2628 | 2067 | 561 | 0 |
| 5 | 2015-2016 | 2811 | 2147 | 664 | 0 |

Nguồn: Phòng công an quản lý người nước ngoài tỉnh Champasak [28]

Nhìn chung, người Việt ở Lào có nhiều thuận lợi trong hoạt động kinh tế bởi Việt Nam và Lào là hai nước có “mối quan hệ đặc biệt, hợp tác toàn diện” tạo mọi điều kiện thuận lợi, giúp nhau phát triển sản xuất bảo vệ an ninh chung. Người Việt ở Lào đã được hưởng hầu như trọn vẹn tình hữu nghị đặc biệt đó. Do vậy, việc làm ăn, đi lại của người Việt ở Lào khá thuận lợi, chỉ cần một tấm hộ chiếu, người Việt có thể đến Lào sinh sống.

Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm đến cộng đồng người Việt ở nước ngoài với những chủ trương, chính sách hết sức thuận lợi. Gần đây nhất là Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị về công tác đối với cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Đối với bà con người Việt ở các nước lân cận, còn nghèo như Lào, Campuchia, nhà nước có những hỗ trợ nhất định cho bà con nhất là về giáo dục đào tạo, tạo điều kiện học hành cho cộng đồng người Việt.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi ấy, cộng đồng người Việt tại tỉnh Champasak cũng phải đối diện với những khó khăn nhất định như nền kinh tế

Lào nói chung, đặc biệt là ở tỉnh Champasak nói riêng chưa phát triển, nhu cầu tiêu dùng chưa cao, thị trường nhỏ, sức mua hạn chế; Do vậy, không kích thích sự gia tăng trong đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh của người Việt, không thể làm ăn lớn nếu như không mở rộng kinh doanh buôn bán ra nước láng giềng hoặc đầu tư về Việt Nam.

Trong quá trình làm ăn sinh sống ở tỉnh Champasak, nhiều người Việt đã chịu ảnh hưởng văn hóa kinh doanh của người Lào “ không cạnh tranh và không ưa mạo hiểm” trong thương trường. Đó cũng là điểm hạn chế trong bối cảnh nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế có nhiều cạnh tranh quyết liệt. Một thực tế mà người Việt ở Lào phải đối diện đó là những thách thức trong cạnh tranh buôn bán, kinh doanh của người Việt với người Hoa - những thương nhân rất giỏi ở Lào.

Tiểu kết chương 1

Lào là một quốc gia nằm ở trung tâm của tiểu vùng sông Mê Công. Trong lịch sử, thời phong kiến, Lào là một quốc gia độc lập, phát triển hùng mạnh. Do mâu thuẫn nội bộ, nước Lào rơi vào trạng thái phân liệt và trở thành thuộc địa của Xiêm, sau trở thành thuộc địa của thực dân Pháp từ năm 1986. Trải qua những năm tháng đấu tranh cách mạng, giành độc lập dân tộc, năm 1975 Lào là thực sự được giải phóng. Nhân dân các bộ tộc Lào bước vào thời kỳ khôi phục và xây dựng đất nước.

Là một quốc gia duy nhất ở Đông Nam Á không có đường biên giới biển nhưng Lào luôn là một quốc gia có nhiều tiềm năng phát triển, một vùng đất văn hóa đa dạng, có nền chính trị - xã hội hài hòa, cởi mở nhưng dân số ít nên từ rất sớm là điểm đến của cư dân các nước láng giềng trong quá trình di cư tự phát. Champasak là 4 tỉnh nằm ở miền nam Lào của Lào có đường biên giới giáp với Thái Lan và Campuchia. Tỉnh này cũng có mối quan hệ hợp tác kinh tế - văn hóa bền chặt với người Việt Nam. Hàng năm, cán bộ, sinh viên của tỉnh Champasak sang Việt Nam để học tập theo sự hợp tác của Chính phủ và địa phương, tại Champasak có nhiều người nước ngoài sinh sống, làm ăn. Trong đó, người Việt Nam đông nhất. Họ di cư sang tỉnh Champasak trong các khoảng thời gian và giai đoạn khác nhau, nhưng tập trung nhiều nhất là thời kỳ Lào là thuộc địa của thực dân Pháp. Cộng đồng người Việt định cư tại tỉnh Champasak chia thành 3 bộ phận: Việt Kiều chiếm 0,37 % dân số của cả tỉnh, tập trung nhiều nhất ở huyện Pakse, Paksong và Bachieng; người Việt đã nhập quốc tịch Lào, họ có quyền lợi và nghĩa vụ như người Lào; người Việt cư trú tạm thời, chủ yếu đến từ các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Nghệ An.... Nhìn chung, người Việt ở Champasak được chính phủ Lào tạo mọi điều kiện trong đời sống cũng như hoạt động kinh tế.

Chương 2

ĐỜI SỐNG KINH TẾ CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ TẠI TỈNH CHAMPASAK TỪ NĂM 1986 ĐẾN NĂM 2016

Người Việt Nam vốn có đức tính cần cù, chăm chỉ, thông minh, tháo vát, đầy sáng tạo trong mọi lĩnh vực từ học hành đến chuyên môn nghề nghiệp. Có những nghề họ quen làm và có kinh nghiệm từ Việt Nam, có những nghề trong điều kiện thiên nhiên và môi trường ở Lào họ sớm thích ứng và khẳng định được ưu thế. Cùng với quá trình hình thành và phát triển của nền sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Lào, người Việt ở đây làm ăn giỏi, nhiều người thành đạt. Họ sống bằng nhiều ngành nghề khác nhau, tiến hành nhiều hoạt động kinh tế khác nhau và là thành phần đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế của tỉnh Champasak nói riêng, nước Lào nói chung.

2.1. Nông nghiệp và thủ công nghiệp

Tại Champasak, chỉ có Việt Kiều duy trì và phát triển hoạt động kinh tế nông nghiệp. Tuy nhiên, do luật pháp của Chính phủ Lào không cho phép người nước ngoài cư trú tại Lào được sở hữu ruộng đất. Vì vậy, lúc đầu, người Việt ở làng Pakse phải thuê đất của người Lào để làm ruộng. Ông Cao Định Hạnh, Chủ tịch hội Việt Kiều tỉnh Champasak cho biết: “Điều kiện tự nhiên nơi đây rất phù hợp với làm nông nghiệp. Trước năm 1993, cuộc sống dân làng Pakse, ThaHin gặp nhiều khó khăn, dân chưa có sở hữu ruộng đất, đất làm ruộng phải thuê, đôi khi gặp thiên tai như lũ lụt, hạn hán kiến cho mất mùa, sản phẩm không đủ nuôi gia đình. Sau năm 1993, Đảng và chính phủ Lào cho phép dân làng Pakse nhập quốc tịch Lào. Làng Pakse trở thành khu vực sản xuất gạo chủ yếu của tỉnh Champasak. Nhân dân Pakse đã cùng nhau tích cực tham gia phong trào trồng lúa, sản xuất gạo, một năm làm được 2 vụ, vụ mùa và vụ chiêm (Sản lượng gạo hàng năm khoảng 210 - 300 tấn)”.

Về quy trình sản xuất lúa vẫn giống với nông dân Việt Nam, cư dân Việt Nam ở Lào chủ yếu chọn sử dụng các giống lúa đem từ Việt Nam sang như giống OM1490, OMCS2000. Khâu đầu tiên là chuẩn bị đất, trong khâu này, quan trọng nhất là dọn sạch cỏ, trục đánh bùn và san bằng mặt ruộng bằng máy cày bánh lồng có trang kèm theo. Khi gieo cấy, chủ yếu cấy bằng máy với mật độ cấy theo mùa vụ. Vụ có nhiệt độ thấp cấy dày hơn vụ có nhiệt độ cao (cây 1-2 dảnh/khóm); vụ xuân cấy mật độ: 40-45 khóm/m²; vụ mùa cấy mật độ: 35- 40 khóm/m². Cấy thẳng hàng, cấy nông 2-3 cm. Khâu chăm sóc lúa chú ý đến bón phân cân đối giữa đạm, lân và kali. Loại phân, liều lượng và thời gian bón cho lúa (tính cho 1000 m²) được tính như sau:

| Loại đất | Thời kỳ bón | | | |
|----------------------------------|--|----------------------------|----------------------------|---|
| | Ra rễ (7-10 NSG) | Đẻ nhánh (22-25 NSG) | Đón đòng (42-45 NSG) | Bón nuôi hạt (55-60 NSG) |
| Vụ Hè thu | | | | |
| Đất phù sa | 15 kg NPK 20-20-15 | 4-5 kg DAP 7-8 kg Urê | 5-6 kg Urê 3 kg KCL | Phun KNO ₃ trước và sau trổ 7 ngày, 150 g/bình 8 lít, 4 bình |
| Đất phèn nhẹ và trung bình | 15 kg NPK 20-20-15 | 6-7 kg DAP 6-7 kg Urê | 4-5 kg Urê 3 kg KCL | Phun KNO ₃ trước và sau trổ 7 ngày, 150 g/bình 8 lít, 4 bình |
| Vụ Đông xuân | | | | |
| Đất phù sa | 10 kg NPK 20-20-15 và 4-5 kg Urê | 4-5 kg DAP 7-8 kg Urê | 7-8 kg Urê 3 kg KCL | Phun KNO ₃ trước và sau trổ 7 ngày, 150 g/bình 8 lít, 4 bình |
| Đất phèn nhẹ và trung bình | 15 kg NPK 20-20-15 | 5-6 kg DAP 6-7 kg Urê | 5-6 kg Urê 3 kg KCL | Phun KNO ₃ trước và sau trổ 7 ngày, 150 g/bình 8 lít, 4 bình |

Ghi chú: NSG = Ngày sau gieo

Giai đoạn cây con, khoảng 7 NSG, rút cạn nước trước khi sạ và giữ khô mặt ruộng trong vòng 3 ngày sau khi sạ, ngày thứ 4 cho nước lã mặt ruộng 1 ngày sau đó rút cạn để đảm bảo đủ ẩm bề mặt ruộng. Giai đoạn sinh trưởng sinh dưỡng (7-42 NSG): Sau khi sạ được 7-10 ngày, bắt đầu cho nước từ từ vào ruộng và giữ nước trên mặt ruộng ở mức 5-7 cm. Trong giai đoạn này, thay nước trong ruộng lúa từ 2-3 lần, sau mỗi lần thay nước giữ cạn trong 2-3 ngày. Giai đoạn sinh trưởng sinh thực (42-65 NSG): Giữ nước trong ruộng ở mức 3-5 cm. Giai đoạn chín (65-95 NSG): Giữ nước trong ruộng ở mức 2-3 cm cho đến giai đoạn chín vàng (7-10 ngày trước khi thu hoạch) tháo cạn nước trong ruộng. Đồng thời phòng trừ tác nhân có hại như trừ cỏ dại sâu hại, bệnh hại. Thời gian thu hoạch là vào lúc sau trở 28-32 ngày hoặc khi thấy 85-90% số hạt trên bông đã chín vàng. Nếu cắt sớm hay trễ đều làm tăng tỷ lệ hao hụt. Hiện nay, tại tỉnh Champasak việc thu hoạch vẫn thủ công bằng tay.

Có thể nói, từ năm 1993 trở đi, cuộc sống của cư dân Việt ở Pakse đã ổn định hơn trước. Ngoài trồng lúa, người Việt ở Champasak còn chăn nuôi một số loại gia súc gia cầm như lợn, gà, vịt vừa phục vụ nhu cầu cuộc sống vừa mang lại nguồn thu cho các gia đình làm nghề nông. Bên cạnh đó, đánh bắt cá là hoạt động kinh tế truyền thống mà người Việt ở Lào nói chung và Champasak nói riêng tiến hành trong những điều kiện thuận lợi về sông, suối, ao hồ. Những làng Việt bên dòng sông Mê Kông, sông Pakse đều giỏi nghề đánh bắt cá.

Bên cạnh kinh tế nông nghiệp, người Việt tại Champasak còn thành thạo nhiều nghề thủ công khác nhau, phần lớn là những nghề mang tính gia truyền, đem lại nguồn thu đáng kể cho các gia đình người Việt tại đây. Nghề làm bánh gai, nem nướng và sợi phở của người Việt ở làng Pakse đã trở nên nổi tiếng. “Làng này mọi nhà đều làm nghề phụ ... Một nửa làng làm bánh gai còn một

nửa làng làm sợi phở ...” [32, tr.199-201]; “Làm sợi phở thì nhà nào làm cũng được, riêng làm bánh gai thì chia phiên mỗi gia đình mỗi tuần làm một lần ...”. Theo những người Việt cao tuổi ở Champasak thì các nghề này xuất phát từ Thừa Thiên Huế (Việt Nam), khi di cư sang Champasak, người Việt đã mang theo nghề gia truyền này. Trong làng có 7 gia đình người Việt làm nghề này. Ngoài ra, có thuê thêm 10 – 20 người Lào cùng làm, với tiền công 20.000 kíp/ngày. Mỗi ngày làm được từ 2.000 - 3.000 bánh. Các sản phẩm ở làng Pakse phần lớn được các chủ buôn ở Pakse đến thu mua, sau đó bán đi các tỉnh khác như Savannakhet, thủ đô Viêng Chăn. Hiện nay, sợi phở, bánh gai đã trở thành đặc sản của Champasak. Nhiều người hay nói: “Ai sang Champasak không được ăn bánh gai có nghĩa là chưa đến Champasak”. Bà Nguyễn Thị Thắng, 60 tuổi, người làng Pakse cho biết: Một ngày trong làng sản xuất được khoảng 7.000 - 8.000 bánh mỗi cái. Bánh gai có 2 loại: loại bé và loại to. Đa số khách thích loại bé, khách muốn mua loại to với số lượng nhiều làm quà tặng phải đặt trước 2 ngày. Hiện nay, bánh bé giá 2000 kíp/1bánh, bánh to 2.000 kíp - 3.500 kíp/ 1 bánh. Nhân công làm bánh gai được nhận 40.000 kíp tương đương 100.000 đồng tiền công một ngày.

Dưới đây là một số quy trình sản xuất một số sản phẩm thủ công của người Việt ở tỉnh Champasak. Thứ nhất là cách thức làm nem nướng. Nguyên liệu gồm thịt heo xay, tôm, mỡ heo, gia vị như muối, tiêu, đường, bột ngọt, tương xay; bánh tráng; nếp, giấm, tỏi, đậu phộng; Rau sống: dưa chuột chuối xanh, xà lách, cà rốt, hẹ, khế, củ cải đỏ, củ cải trắng; nước dừa. Cách làm như sau:

Bước 1: Chuẩn bị phần nem. Thịt: rửa bằng nước dừa, lấy khăn sạch lau khô, cắt từng miếng mỏng, đem thịt xay nhuyễn. Tôm: lột vỏ, bỏ đầu và gạch, chà muối cho tôm trắng, rửa lại bằng nước sạch (rửa bằng nước dừa là tốt nhất), lau khô tôm, đem xay nhuyễn, cho vài tép tỏi vào xay cùng cho thơm. Sau đó,

ướp với chút tiêu, muối, hạt nêm vừa ăn. Mỡ: cắt thành sợi nhỏ như bún, trộn với nước sôi, xúc ráo nước rồi ướp cùng chút đường để chỗ khô trong 30 phút cho mỡ được trong. Trộn chung thịt, tôm, mỡ lại cho đều, nêm chút muối, đường, tiêu, hạt nêm rồi nướng thử một chút xem đã vừa miệng chưa. Cuối cùng vo thành viên dài vừa ăn, ghim vào que nướng, nướng trên lửa than. Nướng cho nem đều khắp các mặt đến khi nem tỏa mùi thơm đậm đà là được.

Bước 2: Nước chấm. Nếp nấu thành cháo, cho nhừ. Cho nếp đã chín vào tô, pha với nước tương xay, xong cho tỏi băm nhỏ vào. Cho hỗn hợp vào nồi nấu sôi lên, khi nấu thêm đường, giấm, bột ngọt cho tương vừa ăn. Bọn đun đến khi tương sệt sệt lại là được. Khi nguội các bạn có thể cho thêm ít đậu phộng rang giã nhỏ nhé. Nem nướng ăn cùng với xà lách, rau sống, chuối chát, cuốn với bánh tráng chấm tương. Khi ăn thì rắc đậu phộng đã rang giã nhỏ lên tương.

Tiếp theo là cách làm bánh gai, nguyên liệu cần thiết gồm bột gạo nếp nghiền nhỏ, bột sắn nghiền nhỏ, lá gai, đỗ xanh, dừa khô nạo, thịt mỡ lợn, vừng rang, lá chuối khô rửa sạch, dây dóm (rạ - thân cây lúa phơi khô) hoặc dây chuối khô, dầu ăn. Cách làm như sau:

Bước 1. Sơ chế lá gai, lá gai ta tiến hành tước bỏ phần sống lá, nhặt bỏ cuống già sau đó rửa sạch. Cho nước vào nồi rồi cho lên bếp đun sôi, cho lá gai vào và đun khoảng 30 phút cho lá mềm nhừ rồi vớt ra rửa để khô ráo nước. Khi nào lá gai đã luộc nguội, cho lá gai vào cối giã thật nhỏ, nếu bạn có máy sinh sinh sinh tố thì càng tốt. Sau đó cho nước vào khuấy đều với lá gai giã nhỏ để lọc lấy nước màu đen.

Bước 2. Chế biến thịt mỡ, và vừng. Thịt mỡ luộc chín, để nguội sau đó thái nhỏ thành miếng bằng đầu ngón tay út. Cho thịt mỡ đã thái nhỏ, đậu xanh đã xay nhỏ, dừa nạo vào khay trộn thật đều. Vừng rang đều tay, khi nào nổ tách và thơm là được.

Bước 3. Làm nhân bánh. Đậu xanh (đỗ nhỏ) cho vào rổ và ngâm trong nước vài giờ trước khi làm, dùng tay chà xát nhiều lần để đậu bong bớt vỏ cứng. Sau khi loại hết vỏ, cho đậu vào nồi hấp chín rồi vớt ra để nguội. Cho đậu xanh vào cối giã nhỏ, hoặc máy xay thật nhỏ và cho vào tô.

Bước 4. Làm bột bánh. Cho bột gạo nếp và bột sắn vào khay, thêm khoảng 150g đường trắng, cho nước lá gai vừa đủ, sau đó dùng tay nhào trộn đều cho các nguyên liệu dẻo quánh lại với nhau.

Bước 5. Nặn và gói bánh. Lấy một chút bột bánh dàn đều trên lòng bàn tay, cho nhân đậu đậu xanh mỡ lợn và dừa nạo vào giữa, thoa bóp đều để bột bánh kín đều chứa phần nhân đậu xanh ở trong. Cho phần bột bánh và nhân lăn qua vừng đã rang thơm. Cho một ít dầu thực vật lên lá chuối để sau này bánh sẽ bóc vỏ không bị dính khi ăn. Cho phần bột bánh và nhân vào lá chuối, cuộn đều lại sau đó dùng dây rơm hoặc dây chuối khô buộc lại.

Bước 6. Hấp, Luộc bánh. Bánh sau khi đã gói xong, tiến hành cho bánh vào nồi cho nhiều nước, sau đó đun to lửa để nước sôi. Đun sôi liên tục khoảng 30 – 40 phút là được. Sau khoảng 30 – 40 phút đun sôi liên tục, Vớt bánh để ra rổ cho nguội là có thể dùng được.

Cách làm bánh phở, nguyên liệu gồm có bột gạo, tinh bột khoai mì (hoặc bột bắp), muối, nước, dầu thực vật. Bước 1, cho bột gạo, tinh bột sắn (hoặc bột bắp), muối và nước vào một bát trộn. Trộn và hòa tan tất cả mọi thứ với nhau. Thêm 1 muỗng cà phê dầu, và rây bột qua rây lưới vào một cái bát khác. Dùng bao ni lông bao kín miệng bát và để bột nghỉ trong 30 phút. Bước 2, trong lúc hỗn hợp bột nghỉ, bắt một cái nồi nước và đặt vào trong đó 1 cái chảo phẳng (loại chảo chống dính) như để hấp cách thủy. Nấu cho nồi nước sôi và chảo bên trong nóng lên. Phết một lớp dầu lên mặt chảo rồi cho ¼ cốc bột gạo vào chảo. Nghiêng nó một chút để bột gạo tràn ra đáy chảo thành một lớp mỏng. *Bước 3,*

đậy nắp nồi lại và nấu trên lửa lớn khoảng 5 phút. Bánh chín thì dùng cái vá cao su mỏng nhẹ nhàng lấy lớp bánh ra đặt lên cái thớt. Tiếp tục làm cái lớp bánh tiếp theo, lần lượt như thế cho đến hết bột. Khi tất cả những tấm bánh phở được thực hiện, bạn cắt các tấm phở thành miếng rộng 1 cm, nhưng bạn cũng có thể cắt chúng thành bất cứ kích thước và hình dạng nào bạn muốn.

2.2. Công thương nghiệp và dịch vụ

Trong số các hoạt động kinh tế ở Champasak công nghiệp là lĩnh vực mà người Việt mới quan tâm đến. Trong đó, người Việt chủ yếu là bộ phận mới sang làm việc trong các dự án đầu tư của Việt Nam tại Lào. Đó là dự án khai thác và chế biến muối mỏ tại huyện Ba Chiêng, tỉnh Champasak và dự án khai thác thạch cao tại huyện Pak Xong và Pakse. Dự án khai thác và chế biến muối mỏ tại huyện Pakse, tỉnh Champasak là dự án đặc biệt quan trọng và là một trong những dự án đầu tư lớn nhất của Việt Nam ở nước ngoài. Sau khi được chính phủ Lào cho phép triển khai thăm dò trữ lượng muối công nghiệp, Hội đồng chuyên gia hai nước Việt Nam và Lào đã công nhận Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến muối tại huyện Pakse, tỉnh Champasak đủ điều kiện khai thác, chế biến công nghiệp. Với kết quả thăm dò trữ lượng muối Kali (KCl) lên tới hàng trăm triệu tấn và muối ăn (NaCl) lên tới hàng tỉ tấn, dự án muối mỏ do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem) đang triển khai tại huyện Pakse, tỉnh Champasak, Lào sẽ đóng vai trò quan trọng giúp Việt Nam chủ động được nguyên liệu cho sản xuất trong nước, nhất là sản xuất phân bón, hóa chất, đồng thời tiết kiệm được ngoại tệ từ việc giảm nhập khẩu.

Dự án khai thác thạch cao tại làng ThaHin, huyện Pakse, tỉnh Champasak. Sau khi được Ủy ban Kế hoạch và Hợp tác Chính phủ Lào cấp giấy phép đầu tư số 004/04 ngày 30 tháng 3 năm 2004 cho lĩnh vực thăm dò, khai thác và chế biến các loại khoáng sản tại Lào, ngày 6 tháng 4 tại thủ đô

Viêng Chăn, Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh đã ký hợp đồng liên doanh với Công ty Công nghệ địa chất Lào, Công ty phát triển Công - Lâm nghiệp Lào đầu tư thăm dò, khai thác thạch cao tại Pakse, tỉnh Champasak. Ngoài ra, người Việt còn làm việc trong các nhà máy, tiêu biểu là nhà máy chế biến gỗ thành lập năm 2001 tại làng Tha Hin, huyện Pakse, tỉnh Champasak. Hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà máy này đã góp phần tạo công ăn việc làm cho hàng trăm công nhân người Việt, người Lào, tạo điều kiện cho họ nâng cao tay nghề, làm việc với dây truyền máy móc hiện đại.

Hiện nay, ở Champasak có khoảng 2628 người Việt đang làm ăn, sinh sống. Người Việt ở Champasak sống tập trung ở thị xã Pakse và bản Tha Hin một địa chỉ đỏ của cách mạng Đông Dương trên đất nước Triệu Voi. Hầu hết bà con sống bằng nghề kinh doanh, thương mại, dịch vụ, kinh tế tương đối khá giả. Trong thành phần kinh tế tư nhân vừa và nhỏ thuộc lĩnh vực thương mại tại Champasak, người Việt chiếm tỉ lệ khá cao. Nhiều người Việt đã trở thành những người làm kinh tế giỏi tại Champasak, tiêu biểu như ông Toàn (tên Lào là Kham By), xuất thân từ gia đình nông dân, gia đình di cư sang Lào, sinh cơ lập nghiệp bằng nghề nông tại làng Pakse, huyện Pakse, tỉnh Champasak. Năm 1978, người Hoa ở thị xã Pakse rút về nước, nhân cơ hội đó gia đình của ông chuyển vào thị xã Pakse buôn bán phụ tùng xe ô tô. Đến năm 1990, ông là người có môn bài của người Lào nên đứng ra xây dựng chợ cây số 2 tại thị xã Pakse (còn gọi là chợ Việt kiều bởi do ông chủ người Việt xây dựng). Hoạt động buôn bán của người Việt tại tỉnh Champasak tương đối phong phú, gồm một số loại hình và cấp độ như sau:

Các cửa hàng buôn bán những mặt hàng có vốn đầu tư lớn như vật liệu xây dựng, đồ điện, hàng điện tử, máy... Tiêu biểu là cửa hàng Thăm Mạ Kan Ka Sẹt (Trung), chuyên bán các loại máy cày, máy xay cùng với các phụ tùng;

Cửa hàng Văn Ni Xay (Thọ), cửa hàng Sĩ Va Ly, buôn bán các loại vật liệu xây dựng và đồ điện; Cửa hàng Khăm Hùng (Hùng), buôn bán vật liệu sắt, ga nấu ăn ... Thu nhập hàng tháng của họ thường từ 4.000.000 đến 5.000.000 kíp trở lên.

Các cửa hàng buôn bán trung bình, gồm các cửa hàng, cửa hiệu, quầy hàng cố định trong các chợ lớn như chợ cây số 3, chợ cây số 2. Số hộ người Việt buôn bán loại hình trung bình chiếm đa số. Mặt hàng kinh doanh chủ yếu là quần áo, giày dép, vải vóc, mỹ phẩm, sách báo, tạp hoá... Thu nhập bình quân hàng tháng từ 3.000.000 kíp đến 4.000.000 kíp/tháng.

Các cửa hàng buôn bán nhỏ bao gồm các sạp hàng ở các chợ bến xe số 8, bến xe số 2. Mặt hàng của họ không có giá trị lớn và thu nhập thấp. Đó là các hàng bán hoa quả, hàng ăn, thức ăn, hải sản khô đem từ Việt Nam sang, đồ dùng hàng ngày... Thu nhập bình quân hàng tháng từ 1.000.000 kíp đến 1.500.000 kíp/ tháng [28,tr.19].

Cùng với buôn bán, người Việt tại Champasak còn tham gia các hoạt động dịch vụ như: Cửa hàng ăn uống nhỏ, nhà hàng, khách sạn, du lịch, thợ may, thợ mộc, lái xe, sửa chữa xe máy, ô tô, thợ cắt tóc và các dịch vụ khác. Đặc biệt, một lĩnh vực hoạt động kinh tế mà người Việt ở Champasak khẳng định được vị trí và đang phát triển đó là chế biến và dịch vụ ẩm thực. Nhiều món ăn do người Việt chế biến như giò chả, nem cuốn, dưa muối, cà muối từ lâu đã trở thành món ăn được nhiều người dân Lào ưa chuộng. Tại Champasak, các cửa hàng ăn uống của người Việt chiếm tỉ lệ khá cao. Tuy nhiên, các nhà hàng cao cấp không nhiều, phần lớn là các hàng cơm bụi hoặc hàng cơm bình dân. Khu thị xã Pakse là nơi có nhiều cửa hàng loại này nhất và đa số là tập trung trong các chợ và bến xe.

Ngoài dịch vụ ăn uống, kinh doanh khách sạn cũng là một trong những nghề rất phát đạt ở Champasak. Một số khách sạn nổi tiếng được nhiều khách du lịch nhắc đến là khách sạn Double Lotus, khách sạn Mê Kông ... Các khách sạn này thuộc loại trung bình, giá cả phù hợp với khách du lịch hoặc đi công tác tại Lào. Số phòng khách thuê hàng ngày chiếm tỷ lệ cao từ 70% đến 80% số phòng, thậm chí có những thời điểm không đủ phòng cho thuê.

Khách sạn Mê Kông nằm ở làng ThaHin, huyện Pakse, tỉnh Champasak, nằm bên bờ sông Mê Kông, rất gần các điểm tham quan như: Di tích lịch sử phố cổ các nhà thời Pháp thuộc, bờ sông Mê Kông, Chùa ThaHin, Bảo tàng tỉnh Champasak, Di tích lịch sử nước giếng trong chiến dịch bảo vệ thị xã Pakse 21/03/1946 ... Khách sạn Mê Kông có 4 tầng gồm 65 phòng (đều có Wifi free và máy lạnh), có phòng nghỉ, nhà hàng và các dịch vụ khác (ăn uống, hội thảo, hội nghị, du lịch thể thao, massage ...), có giá từ 80.000 - 300.000 kíp/đêm và đón khách 24h. Đội ngũ nhân viên thông thạo cả tiếng Việt - tiếng Lào - tiếng Anh sẵn sàng hướng dẫn khách hàng. Với mức giá phòng hợp lý, đội ngũ nhân viên nhiệt tình và thân thiện, bãi đỗ xe rộng rãi, không gian và cảnh quan thoáng đãng, dịch vụ ăn nghỉ được đảm bảo theo tiêu chuẩn tốt nhất ở khách sạn Mê Kông.

Khách sạn Double Lotus nằm ở làng Houi Nhang Kham, huyện Pakse, tỉnh Champasak, có 4 tầng gồm 78 phòng (đều có Wifi free) cách bờ sông Mê Kông khoảng 370 mét nhưng đông khách và nhanh hết phòng, đa số là khách nước ngoài. Với giá từ 80.000 - 250.000 kíp, khách có thể dễ dàng tiếp cận các điểm du lịch hấp dẫn ở thị xã này. Khách được tận hưởng các tiện nghi sẵn có của khách sạn như phục vụ ăn tại phòng, Wi-Fi ở khu vực công cộng, được thiết kế để tạo sự thoải mái, các phòng nghỉ trang bị truy cập internet không dây, nước đóng chai miễn phí, máy lạnh, phòng hút thuốc, đem đến sự yên tĩnh tuyệt vời.

Trong lĩnh vực du lịch, Việt kiều ở cả hai nước Lào và Việt Nam với lợi thế hiểu biết cả hai nền văn hóa, ngôn ngữ, nên họ hoạt động ở lĩnh vực du lịch và môi giới kinh doanh rất có hiệu quả. Sự giao lưu và trao đổi giữa các nhà kinh doanh của hai nước ngày một nhiều. Hiệu quả công việc có lẽ sẽ kém hiệu suất nếu không có phiên dịch là Việt kiều. Việt kiều không chỉ tham gia các giao dịch thông thường mà còn xử lý văn bản và tài liệu bằng tiếng Lào và tiếng Việt.

Nhiều Việt kiều ở Champasak đã và đang tham gia một số dự án phát triển du lịch trong khuôn khổ Tiểu vùng sông Mê Công có tiêu đề “*Ba quốc gia, bảy thành phố*” (ba quốc gia là Việt Nam, Thái Lan, Lào; bảy thành phố là Uobon Lathani, Sisaket, Champasak, Salavan, Nghệ An và Thừa Thiên Huế).

Bên cạnh một số ngành nghề kể trên, tại Champasak còn có nghề dịch vụ vận tải, tiêu biểu như công ty vận tải của ông Văn Thanh, một số công ty vận tải lớn tại Trung Lào nói chung và tỉnh Champasak nói riêng. Công ty vận tải Pakse, hiện có hơn 20 xe và cung cấp các loại xe du lịch chất lượng cao với mức giá phù hợp. Ngoài ra, người Việt ở Champasak còn làm khá nhiều nghề khác như thợ điện, thợ hàn, thợ xây, thợ mộc, thợ cơ khí, thợ sửa chữa ô tô, xe máy, rửa xe, mỹ nghệ, thợ may, thợ cắt tóc, thợ chụp ảnh, lái xe ô tô, trong đó, thợ mộc, thợ may là những nghề chiếm đa số.

Nhìn chung, những người Việt làm kinh doanh đều có cuộc sống khá giả. Ông Văn Thanh quê gốc ở Thừa Thiên Huế Việt Nam chia sẻ: Từ những năm 1945, vì cuộc sống quá khó khăn, nạn đói hoành hành trong khi không có đất sản xuất nên gia đình ông đã sang Champasak để lập nghiệp. Cùng sang đợt ấy có một số gia đình nữa, họ đã lập thành làng người Việt ở bản Thahin và làm

nông nghiệp. Hiện tại, ông Thanh là một trong những người Việt giàu có ở thị xã Pakse. Ông là chủ của một xưởng tiện và cơ sở vận tải với hơn 20 chiếc xe các loại. Trung bình một ngày xưởng tiện và cơ sở vận tải này đem lại cho ông thu nhập 20-30 triệu đồng.

Bên cạnh những người đã tạo dựng được cơ nghiệp cũng có không ít những người "*chân ướt chân ráo*" sang đây phải vật lộn mưu sinh. Một số người Việt trẻ tuổi tại Champasak đã cho biết về cuộc sống của họ tại đây. Chị Loan (sinh năm 1990) quê ở Bồ Trạch, Quảng Bình đã sang Lào được 2 năm. Khi mới sang, chị làm thợ cắt tóc ở tỉnh Sêkông, nhưng theo người quen di chuyển đến mở quán ở Pakse. Thu nhập của chị Loan mỗi ngày là 100.000 đồng. Một trường hợp khác là anh Phương quê ở Bồ Trạch, Quảng Bình cho biết: Cuộc sống ở Lào tuy vất vả nhưng có thu nhập hơn ở nhà. Cách đây 4 năm, lúc mới sang, anh Phương làm đủ nghề để kiếm tiền kể cả đi bán cà rem dạo, thấy nhiều người sang làm thợ xây thu nhập được, anh đã đổi nghề. Theo anh Phương thì những người lao động Việt sang đây làm thợ xây đều được nhiều chủ thầu tin tưởng, bởi họ là những người có tính kỷ luật, tay nghề cao. Vì thế, họ được các chủ thầu trả lương cao hơn hẳn. Với những người trẻ tuổi như anh Phương, chị Loan thì cuộc sống ở Lào với nhiều cơ hội. Hơn nữa, theo họ văn hóa của nước bạn gần với văn hóa của Việt Nam, người ở đây thật thà, dễ mến là điều đã khiến không ít người muốn ở lại. Đối với những người Việt sang Lào mong tìm cơ hội đổi đời này, tuy mỗi người có một công việc, một hoàn cảnh riêng nhưng họ luôn có tinh thần đoàn kết và hướng về quê hương. Trên cơ sở kết quả điều tra về hoạt động kinh tế của người Việt tại Champasak, cơ cấu nghề nghiệp của người Việt được thể hiện thống kê dưới đây:

Bảng 2.1. Số lượng người Việt và cơ cấu nghề nghiệp

| TT | Nghề nghiệp và dịch vụ | Số lượng (hàng) | Số người | Chiếm% |
|-----------|---|----------------------------|---------------------|---------------|
| 1 | Công ty nông nghiệp cáo su, sắn và cà phê | 38 công ty | 519 | 18.46 |
| 2 | Công ty sản xuất gạch, ngói | 2 công ty | 37 | 1.31 |
| 3 | Công ty khai thác khoáng sản (đi dự án) | 1 công ty | 19 | 0.67 |
| 4 | Công ty sản xuất phân bón sinh học | 2 công ty | 25 | 0.88 |
| 5 | Nhà hàng sản xuất thuốc | 1 công ty | 26 | 0.92 |
| 6 | Công ty sản xuất đá lạnh | 2 công ty | 21 | 0.74 |
| 7 | Cửa hàng buôn bán trung bình | 360 | 426 | 15.15 |
| 8 | Buôn bán nhỏ | 312 | 392 | 13.94 |
| 9 | Kala sửa xe ô tô | 47 | 131 | 4.66 |
| 10 | Sửa xe | 9 | 28 | 0.99 |
| 11 | Quán cơm, phở bình dân | 115 | 229 | 8.14 |
| 12 | Cắt tóc, gội đầu | 41 | 63 | 2.24 |
| 13 | Thợ may | 12 | 51 | 1.81 |
| 14 | Lao động xây dựng | | 792 | 28.17 |
| 15 | Chụp ảnh | 2 | 5 | 0.17 |
| 16 | Nghề dịch vụ khác | | 34 | 1.20 |
| 17 | Photo copy | 1 | 13 | 0.36 |
| 18 | Tổng số | | 2811 | 100 |

Nguồn: Sở chỉ huy bảo vệ an ninh và Sở lao động - tiền trợ cấp phúc lợi xã hội ở tỉnh Champasak năm 2016

Bảng thống kê cho thấy, hoạt động kinh tế của người Việt ở Pakse khá đa dạng, nhiều ngành nghề, thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong đó, tỉ lệ người Việt làm việc trong lĩnh vực buôn bán vừa và nhỏ chiếm đa số. Mặc dù quy mô, phạm vi và thu nhập của các loại hình buôn bán khác nhau nhưng hoạt động buôn bán của người Việt tại Champasak không những làm cho cuộc sống của gia đình họ được ấm no, hạnh phúc mà còn góp phần quan trọng cho việc phát triển kinh tế của Champasak.

Tiểu kết chương 2

So với người Việt ở nhiều nước trên thế giới, người Việt ở Lào nói chung và Champasak nói riêng có nhiều thuận lợi trong hoạt động kinh tế. Chính phủ Lào tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt phát triển các hoạt động kinh tế. Chính phủ Việt Nam luôn quan tâm đến cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài với những chủ trương, chính sách hết sức thuận lợi. Tuy vậy, cộng đồng người Việt ở Lào cũng phải đối diện với những khó khăn nhất định, nền kinh tế Lào chưa phát triển, nhu cầu tiêu dùng chưa cao, thị trường nhỏ, sức mua hạn chế, không kích thích sự gia tăng trong đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của người Việt; Trong quá trình làm ăn sinh sống ở Lào, người Việt đã tiếp nhận được những nét văn hóa của người Lào “*Không thích cạnh tranh và không ưa mạo hiểm*” trong thương trường. Đó là khiếm khuyết lớn trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; Tuy chính phủ Lào hết sức ưu ái đối với cộng đồng người Việt ở Lào, nhưng một thực tế mà người Việt ở Lào không thể không quan tâm lo lắng là vai trò của người Hoa ở Lào ngày càng tăng. Đây là một thách thức không nhỏ đối với công việc làm ăn buôn bán kinh doanh của người Việt ở Lào trong những năm tới [32, tr.25].

Hoạt động kinh tế của cộng đồng người Việt tại Champasak rất phong phú đa dạng, bao gồm nông nghiệp, thủ công nghiệp, công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Những hoạt động ấy đã góp phần quan trọng làm biến đổi diện mạo bức tranh kinh tế truyền thống của người Lào, đồng thời làm thay đổi quan niệm sống của người Lào từ chỉ cần làm đủ ăn đến biết “*Tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn*” tức là đã lao động tích cực, cần cù hơn để có tích lũy, làm giàu. Nhận xét về vấn đề này, Tiến sĩ Amnouvone Singhevang đã nhấn mạnh: “Có thể nói, nếu không có người Việt ở Lào thúc ép làm ăn thì người Lào cứ “Ngủ mãi” trong tập quán của nền kinh tế tự nhiên của mình” [33, tr.23].

Chương 3

ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ TẠI TỈNH CHAMPASAK TỪ NĂM 1986 ĐẾN NĂM 2016

Cho đến nay, đã có hơn 452 định nghĩa của các nhà khoa học về văn hóa. Điểm chung của các định nghĩa này là sự khẳng định văn hóa là những gì thuộc về đời sống vật chất và tinh thần của con người và nó được diễn ra hàng ngày. Mỗi tộc người, mỗi quốc gia đều có bản sắc văn hóa riêng được kết tinh, kế thừa và phát triển trong lịch sử Việt Nam là một đất nước có nền văn hóa phong phú và dạng trên tất cả các khía cạnh: các phong tục tập quán từ lâu đời, những lễ hội mang đậm ý nghĩa sinh hoạt cộng đồng, niềm tin bền vững thể hiện trong tín ngưỡng, sự khoan dung trong tư tưởng của các tôn giáo mà người Việt tiếp nhận và cải biến nó trở thành của mình. Việt Nam-Lào là hai quốc gia láng giềng từ rất lâu đời. Trong quá trình, cả Lào-Việt Nam đều nằm trong Liên bang Đông Dương thuộc Pháp, nhiều lính khổ xanh, công chức, viên chức, cu li làm đường, công nhân đồn điền là người Việt Nam đã tới Lào làm ăn sinh sống. Đội ngũ người Việt đông đảo này đã mang tới Lào lối sống văn hóa của người Việt. Nhiều người Việt Nam di cư đến định cư ở vùng miền Nam của Lào trong đó có tỉnh Champasak và hình thành cộng đồng người Việt tại huyện Pakse tỉnh Champasak như ngày nay. Khi hòa bình lập lại, Lào bắt tay vào công cuộc khôi phục và phát triển đất nước đã nhận được sự giúp đỡ của Việt Nam trên tinh thần láng giềng, anh em bạn bè, số lượng người Việt sang Lào để làm ăn sinh sống cũng tăng lên nhanh chóng.

Quá trình tiếp xúc lâu dài sống cộng cư một mặt đã tạo điều kiện thuận lợi để hai nền văn hóa có cơ hội tiếp xúc, giao lưu và chịu tác động lẫn nhau. Mặt khác, qua quá trình lịch sử như trên mà cộng đồng người Việt đã tới định

cur làm ăn sinh sống trên đất Lào, coi Lào như là quê hương thứ hai của mình. Cộng đồng người Việt đã mang tới Lào nền văn hóa truyền thống của họ, trực tiếp giao lưu tiếp xúc và chia sẻ lẫn nhau về những giá trị văn hóa của mỗi bên. Sự giao lưu văn hóa như vừa nói đã hình thành nên những giá trị văn hóa mới chung cho cả người Lào lẫn người Việt sống trên đất nước Lào.

Đa phần người Việt là nông dân trồng lúa nước, sống ở nông thôn trong các làng xã có cơ cấu xã hội chặt chẽ. Đến Lào, họ lại tập trung sinh sống tại thị trấn và các thành phố lớn. Trong điều kiện môi trường sống thay đổi, họ đã nhanh chóng thích ứng và làm nhiều việc để sinh tồn. Quá trình cộng đồng người Việt hòa nhập vào xã hội Lào cũng là quá trình họ khẳng định sự nối kết không tách rời với đất mẹ Việt Nam. Điều này được thể hiện trong chính đời sống văn hóa của họ.

Người Việt Nam ở Lào vốn nặng lòng với quê hương, luôn tự hào về nền văn hóa truyền thống dân tộc, nên ngoài việc xây trường học Việt ở những nơi định cư, họ còn duy trì sinh hoạt trong gia đình theo tập quán Việt Nam. Trong đời sống hàng ngày người Việt có nhiều nét sinh hoạt văn hóa riêng. Trải qua hơn năm thập kỷ sinh sống trên nước Lào, cộng đồng người Việt tại tỉnh Champasak đã có sự tiếp biến, giao thoa văn hóa cho phù hợp với hoàn cảnh xã hội của Lào. Bên cạnh đó, họ vẫn gìn giữ những đặc trưng riêng về văn hóa thông qua ngôn ngữ, ẩm thực và một số phong tục tập quán trong đời sống hàng ngày.

3.1. Văn hóa vật chất

3.1.1. Ẩm thực

Văn hóa ẩm thực của người Việt ở Champasak là sự hòa quyện những nét tinh túy của hai dân tộc Việt - Lào. Trải qua quá trình sinh sống và cộng cư

lâu dài cùng người Lào, sở thích ăn uống của người Việt cũng biến đổi theo người Lào. Kết quả điều tra thực địa và các phỏng vấn sâu cho thấy đa phần người Lào gốc Việt thích các món ăn của người Lào như: Chèo pa đẹc, thành phần có ớt, tỏi khô nướng giã với cá mắm của Lào, trộn với gia vị; Lạp đợc làm bằng các loại thịt khác nhau như bò, trâu, lợn, gà, vịt, cá, đợc chế biến đơn giản, thịt băm nhỏ, trộn với các gia vị như bột gạo rang kỹ, ớt, tỏi thái nhỏ, lá hành tươi, các loại rau thơm. Nộm đu đủ gồm đu đủ xanh thái nhỏ, ớt, tỏi, pa đẹc, chanh tươi, mỳ chính, ớt, tỏi giã nhuyễn, trộn đều. Canh măng Lào, gồm măng tươi thái nhỏ, lá nha nang vắt lấy nước có màu xanh, ớt tươi, củ sả, phắc nâu, mộc nhĩ, rau bí, pa đẹc, rau ngổ rồi đem nấu trộn với nhau, rau cho vào sau khi măng đã chín.

Có thể nói, hiện nay chỉ còn một số ít người già vẫn thích các món ăn truyền thống của Việt Nam. Mặc dù vậy, người Việt ở Lào vẫn duy trì tập quán truyền thống của người Việt Nam. Bữa cơm là dịp các thành viên gia đình sum họp với nhau sau một ngày lao động mệt nhọc. Theo truyền thống của người Việt Nam, vị trí ngồi trong mâm cơm của một gia đình bao giờ cũng theo qui định rõ ràng. Thông thường, người bố, người mẹ hoặc người cao tuổi bao giờ cũng ngồi ở đầu mâm, hai bên là con cháu. Con gái hoặc cháu gái là người xới cơm xới cơm cho bố mẹ. Trước khi ăn, người con và các cháu phải lần lượt mời bố mẹ hoặc người cao tuổi ăn cơm: “*Con mời bố, mời mẹ ăn cơm ạ!*”. Trong các đám giỗ, đám cưới, đám ma, việc bố trí ngồi trong mâm cũng đợc qui định rõ ràng. Đầu mâm bao giờ cũng dành cho những người cao tuổi, rồi mới đến người khác. Có thể thấy, tuy có thời gian sinh sống khá lâu dài tại Champasak, nhưng cộng đồng người Việt ở đây vẫn duy trì tập quán ăn uống của cha ông để lại cho đến tận ngày nay [29, tr.71].

3.1.2. Trang phục

Khi di cư sang Lào, do sống cộng cư với người Lào trong khoảng thời gian khá lâu nên cách ăn mặc của người Việt ở Lào đã có sự thay đổi. Thích ứng với cuộc sống hiện đại, người Việt thuộc các lứa tuổi khác nhau đều thích mặc quần Tây. Nữ giới thích mặc váy hiện đại hoặc cũng có lúc mặc áo phông kết hợp với quần Jean phong cách. Phụ nữ Việt trung niên mặc kín đáo nhưng kiểu cách cũng rất đa dạng, trang nhã và trẻ trung. Kết hợp với quần áo, phụ nữ Việt ở Pakse còn có các phụ kiện kèm theo như đồ trang sức (khuyên tai, nhẫn, vòng) làm bằng nhiều chất liệu khác nhau như vàng, bạc đá quý ... Giá trị của mỗi món đồ tùy thuộc vào khả năng kinh tế của mỗi cá nhân. Hầu hết phụ nữ Việt ở Champasak đều để tóc ngắn ngang vai hoặc cắt ngắn. Tuy nhiên, vẫn có một số ít vẫn để mái tóc dài truyền thống của phụ nữ Việt Nam.

Đối với nam giới, trang phục là quần bò, áo phông, áo vải cắt may theo thời trang. Đồ trang sức của nam giới không nhiều thứ như nữ giới, những người nam giới có điều kiện hay đeo đồng hồ, nhẫn (vàng, bạc), dây chuyền (vàng, bạc). Về kiểu tóc, đa phần là để tóc ngắn, trừ một số thanh niên để tóc dài theo một thanh niên Hàn Quốc, Nhật Bản.

Tập quán mặc của người Việt cũng có những nét khác biệt trong mỗi dịp khác nhau, trang phục. Trang phục thường ngày trong lao động của cả nam và nữ đều mặc quần áo thường như quần âu hoặc bò, áo vải hoặc áo phông dài tay hoặc ngắn tay tùy thuộc vào sự ưa chuộng và công việc lao động của từng người.

Trang phục trong đám cưới, trước đây, người Việt ở Champasak duy trì cách mặc theo trang phục cưới hỏi truyền thống của người Việt, cô dâu và chú

rẻ mặc áo dài đóng khăn xếp. Hiện nay, trong đám cưới của người Việt ở Pakse đã có sự chuyển biến. Cô dâu có thể vẫn mặc như vậy hoặc mặc váy, chú rể chuyển sang mặc vest theo Âu phục.

Trang phục cưới truyền thống của người Lào vẫn còn được duy trì và phổ biến. Cô dâu Lào mặc váy được may từ vải thổ cẩm với những đường nét hoa văn mang đậm văn hoá tộc người, tóc búi cao trên đỉnh đầu. Chú rể người Lào mặc áo quần màu trắng, quần rộng ống, bó ở dưới gọi là “xả lỏn”, bên hông đeo một thanh gươm và được che ô. Họ thường mặc trang phục truyền thống trong thời gian diễn ra nghi lễ, còn lại cũng chuyển sang mặc Âu phục. Trong đám cưới chồng Việt - vợ Lào, cô dâu chú rể có thể mặc trang phục cưới hỏi truyền thống của người Lào, thực hành nghi lễ theo phong tục của người Lào hoặc chú rể cũng có thể mặc véc. Trong đám cưới chồng Lào - vợ Việt, nếu có điều kiện cô dâu được mặc áo dài và đóng khăn, họ hàng đi dự đều trang phục kiểu Việt, chú rể mặc đồ Âu (vest). Họ cũng có thể mặc theo trang phục cưới hỏi truyền thống của người Lào.

Trang phục trong đám tang của người Việt tại Champasak vẫn như trang phục trong đám tang của người Việt ở Việt Nam; con cái, thân nhân người quá cố vẫn mặc quần áo may bằng vải xô màu trắng, đầu quấn vải xô trắng; còn những bà con trong dòng tộc họ hàng thì mặc quần áo màu đen.

Ở Champasak, khi đi chùa Việt đa phần người Việt mặc quần, mặc áo sơ mi hoặc áo phông tùy theo sở thích của mỗi người. Có thể nhận thấy đa phần phụ nữ Việt Nam tại Champasak rất thích mặc váy Lào. Chỉ có trong các dịp hội lễ truyền thống của dân tộc họ mới mặc theo kiểu Việt.

Như vậy, có thể thấy: “Cộng đồng người Việt Nam tại Champasak sống hòa nhập với xã hội Lào. Quan niệm và phong cách mặc của họ cũng đơn giản.

Họ rất thích trang phục của người Lào và mặc nó trong cuộc sống thường nhật. Tuy nhiên, trang phục truyền thống của dân tộc vẫn được họ trong những ngày lễ, hội nhất định trong năm. Điều này thể hiện sự gìn giữ giá trị văn hóa truyền thống và thể hiện tình cảm với cội nguồn của mình” [29, tr.156 - 161].

3.1.3. Nhà cửa

Nhà cửa của người Việt ở Champasak được bố trí theo lối phố phường. Những người Việt ở thành phố, đặc biệt là những người Việt làm kinh doanh thường xây dựng nhà tầng, làm bằng cách lợp tôn lợp ngói, phổ biến là nhà 2 tầng, tầng 1 dùng để phục vụ buôn bán kinh doanh, tầng 2 là nơi ở và giải trí nghỉ ngơi. Những người Việt mới sang không có nhà riêng, phải thuê nhà của người Lào để làm nơi ở và nhà cửa buôn bán, do đó, nhà ở của họ cũng theo kiến trúc của người Lào, do chủ nhà thiết kế.

Kết quả điều tra thực địa ở Champasak cho thấy việc qui định nơi sinh hoạt của các thành viên trong một gia đình người Việt không tuân theo tập quán xưa kia nữa. Phân chia vị trí của các thành viên trong nhà cũng đơn giản. Người cao tuổi, bố mẹ có chỗ ngủ tiện lợi cho sinh hoạt hàng ngày, còn các thành viên khác (con cái, con dâu, con rể) cũng có nơi sinh hoạt riêng.

Bàn thờ Tổ tiên của gia đình luôn được đặt ở vị trí trang trọng nhất trong nhà. Điểm đặc biệt là trong nhà của một số gia đình người Việt, ngoài thờ cúng Tổ tiên còn thờ Phật (Quan Âm, Bồ Tát, Thích Ca), thậm chí thờ cúng cả Nang Quắc (thần phù hộ trong việc làm ăn buôn bán - theo ý niệm của người Lào). Ở một số nơi xa trung tâm Pakse như làng Pakse, người Lào gốc Việt vẫn giữ cách bài trí truyền thống về ngôi nhà của mình. Nhìn từ ngoài vào là một sân phơi thóc lúa, đầu hồi bên phải thường đặt cối xay, các công cụ nông nghiệp,

đầu hồi bên trái là nhà bếp nấu ăn và là nơi cất giữ các đồ dùng sinh hoạt gia đình. Phía trong được chia thành ba gian: Gian chính giữa thường đặt bàn thờ tổ tiên, phía chính giữa dưới bàn thờ tổ tiên là nơi tiếp khách, thường đặt bàn ghế hoặc giường phản để khách ngồi uống nước. Gian ở đầu hồi bên phải là buồng ngủ của chủ nhà và gian ở đầu hồi bên trái là buồng ngủ của con gái.

Việc xây dựng nhà ở của người Việt tại Champasak phù hợp với điều kiện khí hậu và kinh tế của mỗi gia đình. Những gia đình giàu có xây dựng rất hiện đại theo kiến trúc của phương Tây (nhà nhiều tầng), những gia đình bình dân xây dựng nhà rất đơn giản, tập trung nhiều người trong một ngôi nhà, nhưng mang nét văn hóa của Việt Nam, đặc biệt là cách trang trí ngôi nhà, nhìn vào ngôi nhà có thể biết là ngôi nhà của người Việt.

Như vậy, có thể thấy, dù sinh sống và làm việc ở Lào với thời gian khá lâu dài, tiếp thu những yếu tố văn hóa Lào, nhưng người Việt vẫn giữ được nét văn hóa riêng của mình để tạo nên đặc trưng văn hóa riêng của cộng đồng người Việt trên đất Lào. Mặt khác, cũng từ trong quá trình ấy, sự giao thoa văn hóa Việt - Lào ngày càng thể hiện rõ nét trong các hoạt động văn hóa của người Việt. Ở một chừng mực nhất định nào đó, có thể nhận định văn hóa của cộng đồng người Việt ở Champasak cũng chuyển đổi và thích ứng dần với nền văn hóa bản địa của Lào.

3.1.4. Phương tiện đi lại, vận chuyển

Các phương tiện giao thông của người Việt tại tỉnh Champasak có nhiều loại, phổ biến là xe máy, ô tô, xe buýt, xe tải. Xe máy là một loại phương tiện giao thông mà người Việt ở tỉnh Champasak dùng nhiều nhất. Gia đình người Việt nào cũng có xe máy do giá xe máy khá rẻ, phù hợp với những gia đình có điều kiện trung bình. Xe máy không chỉ là phương tiện đi lại, mà còn là phương tiện

vận chuyên hàng hóa của những người bán hàng rong tại tỉnh Champasak, họ đặt hai thùng hàng hóa vào sau xe và rong ruổi đến khắp nơi bán hàng.

Ô tô là phương tiện mà ít người Việt dùng, bởi giá thành đắt, chỉ những gia đình có thu nhập cao mới có thể mua ô tô được. Ở tỉnh Champasak, những người Việt dùng ô tô riêng chiếm tỉ lệ rất ít. Xe đạp là loại phương tiện hiếm khi thấy người Việt dùng ở đây. Xe ô tô Hyundai là hãng xe tải thường được các doanh nghiệp Việt dùng để vận chuyên hàng hóa cho khách hàng. Bên cạnh các phương tiện cá nhân trên, ngoài ra người Việt còn sử dụng các phương tiện giao thông công cộng như: xe buýt, xích lô, xe túc túc hay còn gọi là Chăm Bộ.

3.2. Văn hóa tinh thần

Từ xa xưa, dù sinh sống, làm việc ở trong nước hay nước ngoài, người Việt Nam luôn tâm niệm một điều là phải giữ gìn nền văn hóa “*Tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc*”, “*Hòa nhập mà không hòa tan*” và cộng đồng người Việt ở Lào cũng vậy, họ vẫn giữ được nét văn hóa riêng của mình để tạo nên nét văn hóa của cộng đồng người Việt cư trú trên đất nước Lào.

3.2.1. Giáo dục bảo tồn ngôn ngữ Việt

Việc giữ gìn truyền thống văn hóa được thể hiện trước hết trong việc *gìn giữ ngôn ngữ, tiếng nói* trong cộng đồng người Việt ở Lào. Theo quan điểm nhân học, ngôn ngữ cũng là văn hóa, nhưng là một dạng văn hóa rất đặc thù, bởi vậy, các nhà dân tộc học thường coi ngôn ngữ là tiêu chí hàng đầu để phân loại tộc người. Ngôn ngữ được coi như là một trong những đặc trưng văn hóa quan trọng nhất để xác định sự mất hay còn của một tộc người “*Tiếng nói còn thì dân tộc còn*”. Trong bối cảnh một nhóm người bị chia tách khỏi cộng đồng chính, chuyển tới sống tại một địa bàn cách biệt với địa bàn truyền thống của tổ tiên mình như cộng đồng người Việt tại Lào, thì việc mất hay

còn của ngôn ngữ, của “*Tiếng mẹ đẻ*” cũng có nghĩa như việc mất hay còn của “*Bản sắc tộc người*”. Bởi thế, giữ gìn ngôn ngữ trở thành vấn đề được cộng đồng đặc biệt quan tâm. Tuy nhiên, do hoàn cảnh lịch sử đặc biệt giữa hai nước nên việc duy trì tiếng Việt trong cộng đồng người Việt ở Lào có những sắc thái riêng [15, tr.99].

Nhận xét về việc vừa sử dụng thành thạo tiếng Lào vừa giữ gìn ngôn ngữ tiếng Việt trong cộng đồng người Việt ở Lào, nhà nghiên cứu Amthilo Latthanhot viết: “Người Việt Nam có phong tục tập quán tốt đẹp, mặc dù họ cư trú tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào từ rất lâu và chịu ảnh hưởng nền văn hóa Lào rất nhiều, nhưng họ vẫn giữ được bản sắc, phong tục tập quán tốt đẹp và văn hóa truyền thống của mình. Họ đã giáo dục con cháu mình biết kế thừa văn hóa tốt đẹp đó. Họ tìm hiểu, học và sử dụng tiếng Lào đi đôi với tiếng Việt bằng việc sử dụng tiếng Việt trong gia đình và họ hàng, anh em, bạn bè Việt Nam với nhau và sử dụng tiếng Lào làm thứ tiếng phổ thông để giao dịch với xã hội, quan hệ trong việc buôn bán, kinh doanh, làm ăn ...” [14, tr.191].

Cộng đồng người Việt tại tỉnh Champasak luôn luôn quan tâm tới việc “*Giáo dục bảo tồn bản sắc văn hóa Việt*”. Mặc dù sinh sống trên đất Lào nhưng người Việt ở Champasak vẫn nói và đọc thông viết thạo tiếng mẹ đẻ. Từ cách đây hơn 30 năm, dù cuộc sống còn khó khăn, Việt kiều đã có ý thức về việc mở trường dạy tiếng Việt cho con em mình. Ngôi trường đầu tiên - Trường Tiểu học Hữu nghị được xây dựng trong khuôn viên khu đền thờ Đức Thánh Trần ở xóm 7, thị xã Pakse, Champasak [4].

Trường Tiểu học hữu nghị ban đầu chỉ có 2 lớp với 30 học sinh. Chương trình học được chuẩn hóa từ Việt Nam nhưng có sửa đổi cho phù hợp với chương trình tiểu học của Lào. Thầy cô giáo là Việt kiều đã qua lớp tập huấn nghiệp vụ sư phạm. Hiện nay, trường có 29 lớp với hơn 691 học sinh từ mầm non đến lớp 4.

Học sinh ban đầu chỉ có con em người Việt, sau này, do nhu cầu hợp tác đào tạo giữa hai nước nên trường tiếp nhận cả con em người Lào.

Thầy Văn Thơ KeadChampa (Việt kiều) - Hiệu trưởng trường Tiểu học Hữu Nghị nằm ở làng Houipun, huyện Pakse, tỉnh Champasak, thành lập năm 1973 và công bố thành lập chính thức ngày 13/01/1973, có diện tích khoảng 2ha. Hiện nay trường có 41 giáo viên, trong đó tính kết nghĩa Thừa Thiên Huế 2 giáo viên, Bộ giáo dục và đào tạo tăng cường 1 giáo viên. Trường Tiểu học Hữu Nghị là một trong những trường chuẩn, dẫn đầu chất lượng đào tạo. Hàng năm, số học sinh thi đầu vào luôn đứng đầu tỉnh Champasak. Hiện nay tỷ lệ học sinh người Việt là 60% và người Lào là 40%. Chính vì vậy, các thầy cô truyền giảng song ngữ cả tiếng Lào và tiếng Việt theo chương trình chuẩn của Bộ Giáo dục và Thể thao Lào và có chương trình dạy tiếng Việt từ lớp 1 đến lớp 5, mỗi tuần có 5 tiết. Các bài giảng về lịch sử, về địa lý đất Mẹ Việt Nam luôn được các thầy cô ở đây chú trọng. Thông qua các bài giảng để các em hiểu biết và tự hào về truyền thống và lịch sử dân tộc ”.

Bảng 3.1. Thống kê học sinh (2011 - 2016)

| Cấp học | Năm học | | | | | |
|---------------|-----------|-----|-----------|-----|-----------|-----|
| | 2013-2014 | | 2014-2015 | | 2015-2016 | |
| | Nam | Nữ | Nam | Nữ | Nam | Nữ |
| Thầy, cô giáo | 4 | 37 | 4 | 37 | 5 | 36 |
| Tiểu học | 259 | 183 | 292 | 227 | 461 | 338 |
| Mẫu giáo | 82 | 39 | 55 | 37 | 81 | 36 |
| Tổng số | 345 | 259 | 351 | 301 | 547 | 410 |

Nguồn: Thầy Văn Thơ (Việt Kiều) - Hiệu trưởng trường Tiểu học Hữu Nghị

Trường Hữu nghị Champasak - nằm ở làng Houipun, huyện Pakse, tỉnh Champasak, với diện tích 13.312m². Năm 2003, trường đổi tên từ trường Tiểu học Trường Hữu nghị Champasak, tổ chức giảng dạy theo chương trình chuẩn của Bộ Giáo dục và Thể thao Lào. Đồng thời có chương trình dạy tiếng Việt từ lớp 6 đến lớp 9, mỗi tuần một lớp có 2 tiết dạy học tiếng Việt (So với trường tiểu học Hữu Nghị thì ít hơn 3 tiết). Từ năm 2013, Bộ Giáo dục và Thể thao Lào đã đưa chương trình dạy tiếng Anh vào các lớp tiểu học. Sở Giáo dục tỉnh Champasak đã quyết định chuyển chương trình dạy học tiếng Việt ra và chuyển chương trình này sang dạy học ở bậc trung học phổ thông. Năm học 2015 - 2016, Trường Hữu nghị Champasak có 41 giáo viên, trong đó nữ là 36 người [34].

3.2.2. Tôn giáo, tín ngưỡng

Lào là một đất nước có nhiều tín ngưỡng dân gian. Những người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơ me tôn thờ các vị thần như: thần trời, thần nhà, trong tất cả mọi việc, họ cầu mong các thần hỗ trợ cho mình. Với người Lào - Tày, các thần linh được thờ khá đa dạng, đó là các thần linh trên trời là Thén và các thần dưới đất như: thần đất, Phí nhà, thần cây và thần nước. Hệ thống thờ ma trong ý thức tín ngưỡng dân gian của người mông rất phức tạp và khó xác định, mà nhà có hai loại: Ma bố mẹ tổ tiên và ma giữ nhà. Ngoài ra, nhiều hình thức tín ngưỡng dân gian còn biểu hiện sự ảnh hưởng của Brahman giáo, thể hiện trong các tục lệ cúng bái, các biểu tượng thần thờ trong một số chùa. Bên cạnh các tín ngưỡng phong phú kể trên, Lào là đất nước mà phần lớn cư dân theo tôn giáo Phật giáo, dòng tiểu thừa [6].

Ông Cao Định Hạnh, Chủ tịch Hội Chủ tịch Hội người Việt Nam ở tỉnh Champasak cho biết, tín ngưỡng của cộng đồng người Việt ở chủ yếu là: thờ cúng tổ tiên và thần linh. Khi vào nhà bà con Việt Kiều, đặc biệt là những gia

đình làm kinh doanh buôn bán có thể nhìn thấy bàn thờ thần tài (người Lào cũng có bàn thờ thần tài là người đàn bà, gọi là ban thờ Nang Quắc) đặt ngay cửa ra gian chính, thường để tiếp đất, bàn thờ này với ý nghĩa cầu yên, cầu lộc, cầu tài. Bàn thờ gia tiên được đặt nơi trang nghiêm nhất tại gian chính trong nhà, một số gia đình cũng đặt một ngôi nhà nhỏ theo kiểu nhà của người Lào, có một cột, thường làm bằng gỗ hay bằng gạch người Lào gọi là San Phạ Phum (Ma giữ nhà, xem hình 14, 15 phần phụ lục), thời gian cúng San Phạ Phum là vào buổi sáng hàng ngày. Những gia đình Việt Kiều sinh sống từ lâu đặc biệt là những người làm kinh doanh họ được đặt bàn thờ Nang Quắc tại chỗ cao ở nhà, cửa hàng và ô tô.

Về tôn giáo, Việt Kiều sinh sống tại huyện Pakse phần lớn theo phật giáo dòng đại thừa. Hiện nay, cộng đồng của người Việt ở huyện Pakse chưa xây dựng được chùa Việt Nam, nên khi làm lễ truyền thống Việt Nam, những người Việt có điều kiện kinh tế giàu có thường đi chùa hoặc khi làm lễ ở nhà họ hay đi mời sư thầy từ huyện Pakse bởi vì cộng đồng người Việt tại Pakse đã xây dựng nhiều ngôi chùa. Có thể kể đến những ngôi chùa người Việt định cư tại tỉnh Champasak sắc thường đi làm lễ, Tết truyền thống của Việt như:

Chùa Kim Sơn ở xóm sân Bay, bản Kkúa Ta Phan, huyện Pakse tỉnh Champasak. Người sáng lập chùa Kim Sơn là sư Thích Minh Lý [1915-1996] tức hoàng tử Nguyễn Phước Ly, con vua Thành Thái (1879-1954) và bà Võ Thị Đức (1870-1838). Lúc ngài sinh ra là lúc thực dân Pháp bắt vua Duy Tân và vua Thành Thái đi đày vì tội chống lại chính quyền bảo hộ. Năm 15 tuổi, ngài theo mẹ đi vào Nam lánh nạn, lúc thì Sài Gòn, khi thì Châu Đốc và cuối cùng trôi dạt đến đất Campuchia. Tại đây, ngài xuất gia và mang pháp danh Thích Minh Lý. Với tâm niệm phục vụ chúng sanh, cúng dường chư Phật, ngài đã đi khắp đất nước Lào, Thái lan, Campuchia... Ở đâu ngài cũng cống hiến hết

mình cho việc truyền bá pháp pháp như xây chùa, đắp tượng quy y cho nhiều Phật tử từ Thượng - Trung - Hà Lào: xây chùa châu giắc ở cây số 2 Hạ Lào (năm 1950) vận động xây chùa Hùng Sơn ở Paksong (năm 1952)... Năm 1962, ngài quay về Sài Gòn tham gia đấu tranh chống chính quyền Ngô Đình Diệm độc tài năm 1964, ngài trở về Lào và năm 1966 ngài lập chùa Kim Sơn, ngài viên tịch năm 1995 (thọ 80 tuổi).

Kiến trúc của chùa Kim Sơn rất giống các ngôi chùa ở Thái lan, Lào và Campuchia với nhiều tháp xung quanh, màu vàng của pháp và ngoài chính đình có tượng Phật tọa thiền trên mình rắn Naga bảy đầu như chiếc bảo cái che kim Thân Đức Phật. Song chùa lại có tam quan, am thờ Thổ địa và đài thờ Phật Quan Âm giống như nét kiến trúc quen thuộc thường thấy ở các ngôi chùa Việt Nam. Chùa Kim Sơn là ngôi chùa có nhiều tháp nhất ở đây vì có diện tích đất rộng. Những ngôi pháp này thờ các di cốt của thân nhân các Phật tử trong vùng. Vì vậy chùa luôn đón nhiều người đến hương khói. Hàng đêm, thường có từ 20 - 30 Phật tử Việt Kiều và Lào đến tụng kinh, niệm Phật.

Chùa Trang Nghiêm ở xóm Tân An phía đầu cầu Pakse, được Nhật Hạ Trung tự An Khang Đoàn Đại Sư lập vào năm 1938 nhân chuyến ngài vân du hoằng pháp tại Lào để truyền Chánh pháp Đại thừa. Đầu tiên vị khai sơn lập một am nhỏ trên xóm Tâm An (Lò Gạch) ngày nay. Năm 1942, am được tháo dỡ, xây mới rộng lớn hơn và đặt tên là Trang Nghiêm. Trang Nghiêm có nghĩa là chính đốn, làm đẹp lại, làm tươi sáng và duy trì sống văn hóa cao đẹp của những người con đất Việt trên xứ Lào. Với tâm nguyện như vậy nên từ khi thành lập, chùa Trang Nghiêm đã đón hàng ngàn lượt Tăng Ni, Phật tử đến tu học, chiêm bái lễ Phật. Năm 1972, Thượng toạ Thích Thiện Dung (tên khai sinh là Đăng Văn Cầm) đứng ra tái thiết, trùng tu với quy mô lớn hơn theo kiểu “tiền Phật hậu Tổ” và đến

năm 1973 mới hoàn thành. Ở chùa, có một cây bồ đề cổ thụ. Bà Ly (66 tuổi), Phật tử của chùa cho biết, cây bồ đề có tuổi hơn 70 năm. Trụ trì chùa Trang Nghiêm hiện nay là Thích Tánh Nhiếp. Được biết, con trai của vị khai sơn chùa Trang Nghiêm có tên là Đâu, từng công tác tại Lãnh sự quán Việt Nam tại Lào.

Chùa Thanh Quang ở bản Đonxamxip là chùa nhỏ do một gia đình Việt Kiều tu tại gia lập nên. Hiện nay, chùa Thanh Quang là nơi thờ tự, tu niệm của các Việt Kiều có quan hệ bà con, dòng tộc với chủ ngôi chùa này.

Nét chung nhất của các ngôi chùa Việt tại Pakse luôn giữ dáng dấp, phong cách của những ngôi chùa Việt Nam, dù một số ngôi chùa có thay đổi một số chi tiết kiến trúc cho phù hợp với văn hóa Lào. Hơn thế, các ngôi chùa Việt ở Pakse là nơi tụ họp, lui tới của những Việt Kiều ở Lào và một số nước lân cận. Có thể ví, các ngôi chùa Việt tại Pakse là ngôi nhà chung của Việt Kiều tại đây [5,tr.1-5].

Chùa Long Vân ở xóm Nhà Đèn nằm trong một con hẻm nhỏ. Chùa Long Vân là ngôi chùa khang trang và có ba tượng Phật lớn nhất trong các ngôi chùa Việt ở Pakse. Chùa Long Vân vẫn giữ những nét kiến trúc của chùa Việt Nam. Chùa không có nhiều tháp xung quanh như chùa Lào, trừ một tháp của vị khai sơn.

Câu chuyện về việc lập chùa Long Vân cũng hết sức kỳ lạ. Sư Thích thanh Tịnh, trụ chùa Long Vân hiện nay, kể: cách đây gần 70 năm, có một người Pháp tạc một pho tượng Phật Bôn có rắn Naga than làm đài sen để Đức phật thiền định, đầu rắn làm tán che Phật. Sau đó người Pháp này về nước và bỏ quên tượng Phật tại một ngôi nhà trong xóm. Một người giúp việc trong gia đình này có tên là Trần Quế, một Việt Kiều gốc làng Vĩnh Xương - Thừa Thiên

bị tâm thần nhẹ, đã phát hiện được tượng Phật nọ khi quét dọn ngôi nhà. Vì không có nhà cửa nên ông Trần Quế ngồi ôm tượng Phật xuất hiện những hào quang sáng rực. Mọi người cho rằng đó là vùng đất thiêng và họ dựng một thảo am để thờ. Ngôi chùa tiên bằng gỗ dựng trên khu đất do cụ Nan Kíp, người Lào, phát tâm cúng dường. Từ đó ngôi chùa trở thành nơi lui tới thường xuyên của Việt Kiều và dân sở tại. Sau đó bà con lại xây thêm hai gian nữa thành ngôi chùa ba gian. Thời gian sau, Hòa thượng Trung Quán và Hòa thượng Nhật Liên hỗ trợ, chùa Long Vân nâng cấp bằng bê tông cốt thép. Hiện nay, mặt sau của chùa bị sạt lở nặng. Dòng nước khủng khiếp của con sông Mê Kông đã tàn phá đến sát khu chính diện của chùa. Nhờ tấm lòng hảo tâm của bà con Việt Kiều gần xa, chùa Long Vân đang xây dựng khu chính diện mới khang trang hơn.

3.2.3. Hôn nhân và gia đình

Hôn nhân của người Việt tại Champasak có những biến đổi nhất định cùng với quá trình sinh sống. Trước đây, cha mẹ người Việt thường thích con mình kết hôn với người đồng tộc vì cho rằng người Việt sống với nhau có sự gắn bó vợ chồng, có sự cố kết trong dòng họ. Hơn nữa, con trai Việt cho rằng con gái Việt đảm đang, khéo léo, chịu đựng gian khổ. Tuy nhiên, do sống xen kẽ với người Lào, tiếp xúc với người Lào ngày càng nhiều hơn nên hôn nhân giữa người Việt và Lào ngày càng nhiều trong tầng lớp thanh niên.

Kết quả của hai đợt điều tra điền dã tại các tỉnh, thành phố Viêng Chăn, Champasak, Khăm Muộn và Savanakhét cho thấy, phụ nữ Việt lấy chồng Lào được phân bố theo ba miền như sau:

**Bảng 3.2. Thống kê phụ nữ Việt Nam kết hôn với người Lào
(1975 - 1995)**

| STT | Thành phố/tỉnh | Miền Bắc | Miền Trung | Miền Nam |
|------------------|-----------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| 1 | Viêng Chăn | 13 | 3 | 3 |
| 2 | Chăm Pasak | 5 | 7 | 12 |
| 3 | Savanakhet | 4 | 11 | 1 |
| 4 | Khăm Muộn | 12 | 8 | 0 |
| Tổng cộng | | 34 | 29 | 16 |

Lễ cưới của các cặp đôi (phần lớn là trai Lào lấy gái Việt Nam) được tổ chức theo phong tục tập quán địa phương, bởi giữa Lào - Việt Nam thời đó (và hiện nay) chưa có chính sách quy định cho phép hoặc thừa nhận người Lào và người Việt Nam lấy nhau xuyên quốc gia. Hiện nay, tuổi kết hôn của người Việt tại Lào được thực hiện theo pháp luật của Chính phủ nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, nữ 18 tuổi, nam 20 tuổi trở lên.

Các nguyên tắc kết hôn

Trong các nhóm người Việt tại Lào đều có quy định tránh nam nữ gần gũi về huyết thống kết hôn với nhau. Mặc dù không có quy định thành văn nhưng người Việt ở Champasak thường không muốn cho con em mình lấy người Lào vì yếu tố bất đồng tập quán. Các cuộc hôn nhân Việt - Lào chủ yếu chỉ diễn ra giữa con gái Việt và con trai Lào. Hôn nhân giữa con trai Việt và con gái Lào tuy cũng có nhưng rất ít. Giống như người Việt ở trong nước, người Việt ở Champasak theo hình thức hôn nhân phụ hệ, phụ nữ sau kết hôn sống bên nhà chồng, con cái sinh ra lấy theo họ cha. Đối với người Lào, tuy sau kết hôn cư trú bên vợ nhưng con cái sinh ra cũng được lấy theo họ cha.

Các nghi lễ hôn nhân

Người Việt ở Champasak thường tổ chức các hoạt động cưới hỏi trong khoảng tháng 1 tháng 2 hoặc từ tháng 8 đến tháng 12 âm lịch hàng năm. Trước đây, đám cưới thường cách lễ hỏi 1-3 tháng nhưng hiện nay ở nhiều nơi, đám cưới và đám hỏi được tổ chức trong một ngày. Người Lào tổ chức các hoạt động cưới hỏi từ tháng 9 đến tháng 12 theo lịch Lào (tức là từ tháng 9 đến tháng 12 tính theo dương lịch), nghĩa là phải sau khi có lễ ra hè vì những tháng hè người con trai trước khi lấy vợ phải đi tu ít nhất một lần để đền ơn cha mẹ. Hiện nay, cả người Việt và người Lào không nhất thiết phải theo những quy định trên. Cũng giống như đám cưới ở Việt Nam, một thành phần không thể thiếu trong đám cưới của người Việt tại Champasak là người đại diện cho hai bên. Thông thường, người được chọn làm đại diện phải là người hiểu biết, vợ chồng sống hòa thuận, đông con. Ông bà đại diện cũng là những người chọn để thực hiện nghi lễ “trái giường” cho cô dâu chú rể trong ngày cưới. Giống như người Việt, trong đám cưới của người Lào cũng có người đại diện và thông người ta thường chọn bà dì của cô dâu. Đặc điểm nổi bật trong đám cưới của người Việt ở Champasak là vẫn giữ được khá nhiều nét đặc trưng phong tục của người Việt trong nước. “*Miếng trầu là đầu câu chuyện*” nên trầu phải 100 lá, cau phải 100 quả để nguyên buồng “*không xẻ, không tách*”. Ngoài ra, còn có rất nhiều lễ vật khác như rượu, trà, bánh, xôi gấc, lợn hoặc gà... Những thứ này thường phải đi theo cặp, mang tính chất phồn thực, thể hiện hạnh phúc lứa đôi. Ngoài ra, trong lễ vật còn có một khoản tiền thách cưới. Lễ vật của người Lào chỉ có tiền, vàng và người ta gọi là “*tiền sữa mẹ*”, lễ vật nhiều hay ít tùy thuộc vào đám lớn hay nhỏ. Tùy theo tập quán của từng cộng đồng tộc người mà người con gái đi làm dâu hay người con trai đi ở rể, tức là chuyển từ gia đình sinh thành sang sinh sống ở một gia đình khác với một vị thế mới

đều phải trải qua các nghi lễ cưới xin sẽ được tác giả khai thác sâu hơn trong phần trình bày về phong tục tập quán.

Nghi lễ cưới hỏi

Hôn nhân của người Việt ở Champasak cũng giống như các tỉnh khác ở Lào vẫn được tiến hành theo các bước dạm ngõ, ăn hỏi, đám cưới, lại mặt. Lễ dạm ngõ (hay còn gọi là lễ chạm ngõ). Có đôi chút khác biệt ở những địa phương khác nhau nhưng nhìn chung, vẫn giữ được các đặc trưng giống như nghi lễ của người Việt trong nước. Khi nam nữ đã tìm hiểu nhau, chàng trai về nói với cha mẹ. Cha mẹ chàng trai chuẩn bị lễ vật mang đến dạm ngõ bên nhà gái, gồm một chai rượu, một gói trà, một đĩa trầu, một đĩa cau. Nhà trai mời người làm đại diện cho bên nhà mình để đến nói chuyện với nhà gái. Ngoài người đại diện, còn có bố mẹ chàng trai, anh em (không nhất thiết chàng trai phải đi cùng). Hai gia đình thoả thuận cho đám cưới về lễ vật, thời gian, cách thức tổ chức. Khi nhà trai ra về, nhà gái đưa lại một nửa lễ vật mà nhà trai đã đem đến. Thông thường, từ lễ dạm ngõ đến lễ hỏi cách nhau khoảng 5 - 7 tháng hoặc 1 năm.

Lễ ăn hỏi

Vào ngày ăn hỏi, nhà trai đem lễ vật như đã thoả thuận sang nhà gái. Tùy theo kinh tế gia đình và thách cưới của bên nhà gái mà lễ vật nhiều hay ít, nhưng tối thiểu phải có những thứ như đã được đề cập ở trên. Nhà trai sang nhà gái vào buổi sáng, khoảng từ 8 giờ 30 phút đến 9 giờ. Đoàn nhà trai gồm cha mẹ, chàng rể, bà con họ hàng khoảng 20 người, vợ chồng người đại diện (nhất thiết phải mời cả hai) cầm cặp rượu đi trước. Nhà gái cũng mời một người hoặc đôi vợ chồng làm đại diện. Cô dâu chú rể xin phép cùng nhau thắp hương trước sự chứng giám của tổ tiên. Đến trưa, nhà gái làm cơm mời nhà trai và bàn chuyện đám cưới. Nhà gái thường bớt lại mỗi thứ một nửa để vào tráp trả lại

cho họ nhà trai mang về gọi là “*lại quả*”. Sau lễ ăn hỏi, nhà gái chia ra mỗi một gói giấy đỏ gồm 3 lá giầu, 3 quả cau, 1 ấm trà đem biếu các cụ già quanh xóm.

Đám cưới

Đám cưới là thời điểm chuyển tiếp vị thế, có một số nghi lễ diễn ra nhằm “*bảo vệ*” cô dâu chú rể. Trước khi sang nhà gái, nhà trai có một ít lễ vật (hoa quả) để trình với tổ tiên. Bố mẹ chú rể “*kiêng*” đi đón dâu. Sau khi nhà gái nhận lễ vật, người ta chọn giờ tốt để cô dâu chú rể làm lễ tơ hồng và lễ tổ tiên. Nhà gái giữ lại phần lớn lễ vật để mời khách và trả lại một phần nhỏ để nhà trai mang về. Các thủ tục lễ nghi phải được làm trong vòng buổi sáng và đưa dâu về đến nhà trai vào khoảng 11h 30’. Cô dâu chú rể cũng làm lễ tơ hồng và thắp hương cúng gia tiên bên nhà trai. Bố mẹ, họ hàng hai họ và bạn bè đều mừng tiền hay quà cho đôi bạn trẻ gọi là để họ làm vốn. Bà đại diện của họ nhà trai và bà mẹ chồng đưa cô dâu vào phòng tân hôn. Nhà trai mời họ hàng thân thích và những người nhà gái đi đưa dâu ở lại dùng cơm trưa. Buổi tối, gia đình nào có điều kiện mời hai họ ăn cơm tại khách sạn.

Nhìn chung, đám cưới Việt - Lào là sự kết hợp một cách linh hoạt giữa phong tục người Việt và phong tục người Lào. Tùy theo sự thoả thuận giữa hai bên gia đình mà người ta tổ chức nghi lễ nghiêng về phong tục của tộc người nào, cũng có thể chỉ tổ chức theo phong tục người Lào hoặc theo phong tục người Việt. Tuy nhiên, nghi lễ cưới dù cho được tổ chức hoàn toàn theo phong tục của người Lào thì ở gia đình Việt không bao giờ bỏ nghi lễ tơ hồng và lễ cúng trình tổ tiên.

Thông thường, nếu ở bên nhà gái, nghi lễ cưới được tổ chức theo phong tục của nhà gái, khi về nhà trai thì tổ chức theo phong tục của nhà trai. Nếu là đám cưới chồng Việt - vợ Lào, nhà gái thách cưới bằng tiền, vàng nhưng nhà trai không nhất thiết phải sắm đầy đủ (trong trường hợp hai người bỏ nhau nhà gái sẽ

đòi hết), không có lễ ăn hỏi, chỉ có số ít người nhà trai đến nhà gái bàn bạc và nhà gái mời cơm, không có lễ lại mặt.

Theo phong tục của người Lào, khoảng 9 giờ sáng, nhà trai sẽ đến nhà gái. Đến cổng nhà gái, đại diện nhà trai đưa lễ vật vào. Nhà gái đã chăng 3 lần dây tượng trưng cho 3 lần cửa, đến mỗi lần cửa chú rể đều phải đưa tiền gọi là tiền mua đường mới được vào. Nhà của người Lào truyền thống thường là nhà sàn, khi đến chân cầu thang, chú rể phải đứng lại để cho em gái hoặc em trai cô dâu rửa chân, chú rể cũng đưa một phong bì đựng tiền cho người này. Nhà gái đã chuẩn bị các lễ vật và hai “pha khoán” để thầy cúng làm lễ “xù khoán” (cột vía) cho cô dâu chú rể. Sau buổi lễ, hai bên họ hàng lần lượt buộc chỉ cổ tay và tặng quà cầu phúc cho đôi bạn trẻ. Trong trường hợp chàng trai Việt sang ở rể, gia đình phải chuẩn bị cho chú rể một chiếc khăn và một chiếc gối để sang, xin phép bên gia đình người Lào.

Đám cưới chồng Lào - vợ Việt, thường người ta tổ chức nghi lễ bên nhà trai theo phong tục cưới hỏi truyền thống của người Lào. Người con trai Lào dù ở rể hay ở riêng, trước khi lấy vợ phải đi ở chùa ít nhất là từ 5-7 ngày, Trước khi cưới một ngày, nhà trai mời thầy cúng tới làm lễ buộc chỉ cổ tay, chúc cho chàng trai đi làm rể được mạnh khỏe, phát tài, may mắn. Vì cô dâu là người Việt nên nhà gái thách cưới theo phong tục của người Việt và nhà gái phải cử người sang giúp nhà trai sao cho đúng với phong tục truyền thống tộc người. Nếu cô dâu người Việt về ở cùng gia đình chồng thì làm lễ buộc chỉ cổ tay cho đôi bạn trẻ ở nhà trai, nếu đôi trai gái ở riêng thì làm tại nhà riêng của họ.

3.2.4. Tang ma

Với người Việt Nam định cư tại tỉnh Champasak, khi gia đình có người mất, người con trai lớn trong gia đình sẽ có trách nhiệm chính trong việc lo tang

ma cho bố mẹ. Sau khi báo tin buồn cho Chủ tịch Hội và ông trưởng xóm biết đề bàn bạc về việc tổ chức tang lễ, gia đình sẽ thông báo cho họ hàng và người thân ở làng bản biết tin. Cộng đồng người Việt luôn đoàn kết, chia sẻ và giúp đỡ lẫn nhau nhiều những lúc cần thiết đặc biệt là khi gia đình có chuyện không may.

Theo phong tục của người Việt, sau khi qua đời, người chết thường được giữ lại trong nhà khoảng 3 ngày để chờ con cái và người thân ở xa về. Ban đêm, họ mời nhà sư người Việt từ các chùa đến nhà cầu kinh khấn Phật để linh hồn người mất được siêu thoát. Hiện nay, có đám tang của Việt Kiều tại bản Không Nhày cũng mời các nhà sư người Lào về cầu kinh niệm Phật cho người thân đã qua đời, thường mỗi lần phải mời từ 3 đến 9 nhà sư về làm lễ.

Nhìn chung, người Việt tại tỉnh Champasak vẫn giữ các nghi lễ tang ma truyền thống như: mua quan tài, sơn trang trí, làm vệ sinh, tắm rửa, thay quần áo cho người mất, thi thể người chết được quấn bằng vải xô và buộc hai ngón chân cái lại với nhau, buộc hai đầu gối gần nhau, để tay khoanh ở trước ngực. Trước khi đặt vào áo quan, xác được chèn đồ bỏ khuyết, bọc kín và buộc chặt thành một khối. Lúc đặt xác vào áo quan (lễ nhập quan) người ta lót giấy bản, rắc bông hay trà khô để đề phòng hút nước do xác tiết ra, đặt lên mặt một tờ giấy trắng. Sau khi liệm xong, chuẩn bị để bà con xa gần đến phúng viếng, đến giờ đẹp, người chết được đưa đi mai tang ở nghĩa địa.

Thông thường, con trai trưởng phải mặc áo xô trắng hoặc mặc đồ đen và đội khăn tang trong thời gian từ khi có cha hoặc mẹ mất đến lúc chôn cất xong. Con dâu, con trẻ và cách cháu đều đội khăn tang. Tại các gia đình có người thân qua đời treo những tấm biển cáo phó, viết bằng hai tiếng Việt Nam và Lào với nội dung: ngày, tháng, năm sinh - mất và cả nơi ở hiện nay của người đã khuất.

Đối với người Việt lấy chồng người Lào. Khi chết, cô dâu Việt Kiều thường muốn được làm tang ma và thờ cúng theo phong tục của tộc người sinh thành. Mặc dù người Việt quan niệm “con gái là con của người ta”, khi lấy chồng người phụ nữ được coi là đã tách mình ra khỏi gia đình sinh thành và trở thành ma nhà chồng và khi mất được thờ cúng bên nhà chồng. Việc trở lại cộng đồng sinh thành khi chết cho thấy vị thế của phụ nữ Việt Kiều trong gia đình chồng về mặt tín ngưỡng chỉ được xác lập tạm thời, khác với vị thế khi cô làm dâu trong gia đình người Việt [13,tr.53-56].

Cô dâu trong gia đình người Việt có vai trò quan trọng trong việc thờ phụng tổ tiên bên nhà chồng. Người Việt có quan niệm về linh hồn và thể xác tồn tại trong con người “sống gửi thác về” khi chết, linh hồn sẽ về với tổ tiên và tiếp tục sống ở một thế giới khác. Do đó, tang ma và thờ cúng tổ tiên rất được chú trọng. Cô dâu trưởng là người chỉ đạo trong việc chuẩn bị cho các nghi lễ cúng tế, cô cùng chồng mình thực hành các nghi lễ trong gia đình, đôi khi cô còn đóng vai trò chính như cô dâu trưởng phải tự tay đem cơm cúng trong tang ma và thờ cúng bố mẹ chồng [37].

3.2.5. Lễ tết

Trong một năm người Việt có nhiều ngày tết, lễ khác nhau. Thêm vào đó sống ở Lào một đất nước cũng có nhiều ngày lễ, tết. Có thể nói, tháng nào trong năm người Lào cũng đều tổ chức làm lễ. Vì lễ đó, người Việt định cư tại tỉnh Champasak được đón rất nhiều các ngày lễ tết quan trọng trong năm của cả hai nước Việt - Lào. Tuy nhiên, ngày lễ tết quan trọng nhất và vui nhất của người Việt đó là Tết Nguyên Đán. Vào dịp này, một số gia đình người Việt tổ chức ăn tết tại gia đình, một số gia đình khác lại về thăm người thân ở Việt Nam (đặc biệt là những người Việt định cư tạm thời dành thời gian này về thăm quê hương mình), với Ban Chấp hành Hội người Việt đến Lãnh sự quán Việt Nam

tại Pakse để đón tết và giao lưu với Việt Kiều 4 tỉnh miền nam của Lào: Champasak, Sekong, Salavan và Attapeu.

Hàng năm, lãnh sự quán Việt tại Pakse thường tổ chức đón tết, với nhiều hoạt động vui chơi cho bà con Việt Kiều. Bên cạnh đó, còn có lãnh đạo Lào của 4 tỉnh miền nam Lào đến tham dự buổi Tết đón xuân. Sau khi tham dự đón Xuân tại lãnh sự quán xong, họ lại trở về đón tết cùng gia đình và cộng đồng người Việt tại tỉnh Champasak.

Vào tết Nguyên đán, người Việt trang trí, quét dọn nhà cửa, bàn thờ, bày mâm quả trên bàn thờ, chuẩn bị làm mâm cơm cúng tổ tiên vào dịp giao thừa...

Người khách thăm nhà đầu tiên trong ngày mùng một tết đối với người Việt rất quan trọng, bởi họ quan niệm điều may rủi của năm mới phụ thuộc vào “vía” của người xông đất. Ngày này, con cháu tập trung lại ở nhà để chúc ông bà và những người cao tuổi còn việc phát lì xì mừng tuổi cho trẻ em hay việc hái lộc đầu xuân mang về nhà để lấy may mắn vào nhà không thấy người Việt Ở tỉnh Champasak làm.

Người Việt ở tỉnh Champasak rất coi trọng làm việc thăm viếng họ hàng người thân trong dịp tết mục đích nhằm gắn kết tình cảm gia đình, cộng đồng. Lời chúc tết phổ biến của người Việt thường là sức khỏe, phát tài, phát lộc, gặp nhiều may mắn, mọi ước muốn đều thành công. Trong ngày tết, bà con Việt Kiều chú trọng đến việc chế biến những món ăn truyền thống của dân tộc để dâng cúng lên tổ tiên như bánh chưng, bánh dày, nem...

Ngoài tết nguyên đán của người Việt, những ngày tết cổ truyền của Lào, Người Việt cũng hưởng ứng tham gia, đặc biệt là dịp tết Bun Pi Mày hàng năm tổ chức vào giữa tháng 4 dương lịch (khoảng ngày 13-15 tháng tư). Tết Bun Pi Mày là tết lớn nhất của người Lào, đây cũng là dịp thu hút nhiều khách du lịch

nước ngoài tham quan Lào. Khi đi ra đường vào ngày tết Bun Pi Mày có thể thấy các nhóm thanh niên Việt Nam cùng với thanh niên Lào té nước cho những người đi lại. Một số thanh niên Việt đi ô tô và xe máy tân nơi du lịch như suối, sông, thác nước để té nước cho nhau và tham dự các hoạt động vui chơi mà người Lào tổ chức như bắn súng nước, múa Lăm Vông, đi bơi. Còn những ông bà cụ họ thường đi chùa lễ và đi chúc tết Bun Pi Mày cho người Lào đi tham dự lễ buộc chỉ cổ tay của người Lào.

Theo quan niệm của người Lào và các nước Phật giáo theo Tiểu Thừa đây là dịp để cầu nguyện mưa thuận gió hòa, cầu cho cuộc sống của người dân được an bình và hạnh phúc, trong dịp này, mọi người Lào thay trời làm mưa để thỏa mãn cơn khát trong những ngày nóng bức của Lào.

Tiểu kết chương 3

Có thể thấy, đời sống văn hóa vật chất và tinh thần của cộng đồng người Việt tại Champasak khá phong phú, đa dạng. Việc gìn giữ ngôn ngữ tiếng nói và các phong tục tập quán trong các gia đình Việt kiều ở Pakse đã góp phần tích cực vào việc gìn giữ bản sắc văn hóa của dân tộc Việt. Mặc dù có chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Lào nhưng người Việt tại đây vẫn giữ được nét văn hóa truyền thống của dân tộc mình, tạo nên nét văn hóa truyền thống đặc trưng của người Việt, thể hiện sự đoàn kết, gắn bó với quê hương Việt Nam.

KẾT LUẬN

Việt Nam và Lào là hai quốc gia cùng nằm trong khu vực Đông Nam Á, có truyền thống gắn bó, gần gũi lâu đời, có những điểm chung về lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng.... Nhân dân hai nước đã có truyền thống đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, đặc biệt khi người Việt nhập cư vào Lào thì điều đó lại càng được thể hiện rõ nét.

Quá trình nhập cư của cộng đồng người Việt vào Lào nói chung và Champasak nói riêng là quá trình diễn ra lâu dài suốt từ thời kì phong kiến nhà Nguyễn cho đến những năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Cùng với thời gian, họ đã sinh sống và hòa nhập với xã hội Lào, gắn bó mật thiết với Lào, coi Lào là “*người mẹ*” thứ hai của mình.

Champasak là một tỉnh nằm ở miền nam nước Lào. Với điều kiện tự nhiên đặc thù, Champasak có những thuận lợi để xây dựng một nền kinh tế phát triển toàn diện bao gồm: nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp và thương nghiệp. Cộng đồng người Việt định cư tại Champasak là những người Việt đang sinh sống và làm ăn tại các huyện của tỉnh Champasak, kể cả vùng thành phố và vùng biên giới của hai nước Việt - Lào, bao gồm 3 bộ phận: Bộ phận đã nhập quốc tịch Lào (người Lào gốc Việt); Bộ phận Việt kiều; Bộ phận người Việt mới sang, trong đó bộ phận người Lào gốc Việt là đông nhất.

Với bản chất thông minh, cần cù, sáng tạo, tiết kiệm, người Việt tại Champasak đã tham gia vào mọi lĩnh vực kinh tế: kinh doanh buôn bán, làm chủ các doanh nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi, xây dựng, đánh bắt cá tại ven các con sông lớn. Họ có những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế của Champasak từ nhiều năm nay. Hiện nay, kinh tế của Champasak ngày càng

phát triển, thu hút sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước. Có thể nói, kinh tế của cộng đồng người Việt đã góp phần làm cho hiện trạng kinh tế Champasak có những thay đổi. Một số dự án của người Việt trên đất Champasak đã góp phần giải quyết công ăn việc làm cho chính người dân Lào tại đây.

Trong quá trình sinh sống, học tập và làm việc tại Lào nhiều năm, người Việt Nam đã dần dần tiếp thu và hòa nhập vào nền văn hóa Lào một cách đầy đủ. Tuy nhiên, họ vẫn duy trì được sự gắn bó với Việt Nam bằng cách gìn giữ bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc Việt. Dù văn hóa cội nguồn có bị pha trộn, họ vẫn lưu giữ được đặc trưng văn hóa Việt ở một chừng mực nhất định, không quên cội nguồn của mình. Trong các gia đình Việt tại Lào và Champasak, người Việt vẫn luôn lưu giữ những phong tục tập quán: thờ cúng tổ tiên, tang ma, cưới xin... giống như người Việt Nam. Đó chính là bằng chứng về sự gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc Việt, thể hiện sự đoàn kết, gắn bó với quê hương đất nước Việt Nam.

Vấn đề Việt kiều luôn là một trong nhiều yếu tố có tác động đến mối quan hệ giữa hai nước Việt Nam - Lào. Những chính sách của chính phủ Lào áp dụng đối với Việt kiều bị tác động bởi tình hình thế giới, trong nước và còn phụ thuộc vào mối quan hệ Việt - Lào trong từng thời kỳ lịch sử. Việt kiều tham gia hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh, ngôn ngữ, văn hóa, giáo dục, du lịch... đã góp phần tạo điều kiện cho mối quan hệ hữu nghị giữa hai nước ngày càng tốt đẹp hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Vũ Thị Vân Anh (2007), “Nguyên nhân và các đợt di dân của người Việt đến Lào”, *Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2.
2. Ban Đông Nam Á (1976), “*Nhiệm vụ đường lối và phương châm của tổ chức cách mạng Việt Kiều từ năm 1945 đến năm 1975*”, Hà Nội.
3. D.G.E Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Tiến Dũng (2015), “*Những ngôi chùa Việt trên đất Pakse-Lào*”, Trường cao đẳng sư phạm Gia Lai (chualinhquang.com/nhung-ngoi-viet-trendat-pakse-lao).
5. Nguyễn Hào Hùng (2007), “*Tài liệu lưu trữ thời kỳ thuộc địa Pháp liên quan đến đề tài cộng đồng người Việt ở Lào*”, Viện nghiên cứu Đông Nam Á, số 2.
6. Trương Sỹ Hùng “*Tín ngưỡng dân gian trong đời sống văn hóa Lào và Việt Nam*”, Viện nghiên cứu Đông Nam Á. 2013.
7. Nguyễn Văn Khoan (2008), “*Việt - Lào hai nước chúng ta*”, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Phạm Nguyên Long, Đặng Bích Hà (1983), “*Về lịch sử - văn hóa ba nước Đông Dương*”, Viện nghiên cứu Đông Nam Á.
9. Phan Ngọc Liên, Đỗ Thanh Bình, Nguyễn Ngọc Cơ (2005), “*Lịch sử nhà Nguyễn - Một cách tiếp cận mới*”, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.

10. Nguyễn Quốc Lộ (2006), “*Người Việt ở Thái Lan - Campuchia - Lào*”, Nhà xuất bản Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Layphone Phanmahesack (2015), *Hoạt động kinh tế, văn hóa của cộng đồng người Việt Nam tại tỉnh Khăm muôn (Lào)*.
12. Phạm Thị Mùi (2007), “*Nghi lễ vòng đời của người Việt ở Lào và vấn đề giao thoa văn hóa Việt - Lào*”, Viện nghiên cứu Đông Nam Á.
13. Phạm Thị Mùi (2007), “*Vị thế trong gia đình của người phụ nữ Việt kiều ở Lào (So sánh với người Việt và người Lào)*”, Viện nghiên cứu Đông Nam Á, số 2.
14. Phạm Thị Mùi (2008), sách “*Nghi lễ vòng đời của người Việt ở Lào và nhân đề giao thoa văn hóa Việt Lào*” Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, phong nghiên cứu Lào, thư viện Nghiên cứu Đông Nam Á đề cấp.
15. Phongsavath Silipanya (2015), “*Kinh tế, văn hóa của người Việt ở thành phố Viêng Chăn (Lào) 1975 - 2014*”, Luận văn thạc sĩ nhân văn, Thái Nguyên.
16. Phạm Đức Thành (2008), “*Cộng đồng người Việt ở Lào trong mối quan hệ Việt Nam - Lào*”, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
17. Phạm Đức Thành (2007), “*Vai trò kinh tế của người Việt tại Lào*”, Viện nghiên cứu Đông Nam Á, số 2.
18. Nguyễn Lệ Thi (2007), “*Chùa người Việt ở Lào*” Viện nghiên cứu Đông Nam Á, số 2.
19. Nguyễn Duy Thiệu (2007), “*Cộng đồng người Việt tại Lào sinh tồn và giữ gìn bản sắc*”, Viện nghiên cứu Đông Nam Á, số 2.
20. Nguyễn Duy Thiệu (2008), “*Di cư và chuyển đổi lối sống trường hợp cộng đồng người Việt ở Lào*”, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.

21. Nguyễn Duy Thiệu (2008), “*Chuyển đổi trong đời sống xã hội và đời sống tâm linh của cộng đồng người Việt ở Lào*”, Viện khoa học xã hội Việt Nam.
22. Nguyễn Duy Thiệu (1991), “*Một số nét về sinh hoạt vật chất của các tộc người ở Lào*”.
23. Nguyễn Duy Thiệu, Amthilo Latthanho (2007), “*Bước đầu tìm hiểu luật pháp và chính sách của Lào đối với người nước ngoài và người Việt tại Lào*”, Viện nghiên cứu Đông Nam Á, số 2.
24. Nguyễn Văn Toàn (2013), “*Chùa Phật giáo trong đời sống văn hóa của hai dân tộc Việt Nam - Lào*”, Viện nghiên cứu Đông Nam Á, số 12.
25. Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Pakse (2009) “ Báo cáo về việc hỗ trợ kinh phí cho trường tiểu học Hữu nghị tỉnh Champasak” số 08/TLS-CV/09, pakse ngày 06 tháng 2 năm 2009.
26. Nguyễn Văn Toàn (2013), “*Chùa Phật giáo trong đời sống văn hóa của hai dân tộc Việt Nam - Lào*”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 12, tr66-70.

Tiếng Lào

27. Bộ Giáo dục và thể thao Lào, Sở tiểu học (2010), *Chương trình dạy học tiểu học của Lào*, Nxb Giáo dục Lào.
28. Công an quản lý người nước ngoài tỉnh Champasak “ Bản thống kê người Việt kiều ở tỉnh Champasak 2016”
29. Chanmi Sithimanotham (1999), “*Văn hóa truyền thống của người Lào tập I*”, Nxb Nùm Lào.
30. Khampheng Thipmutaly (2008), “*Những chuyển đổi trong phương thức kiếm sống và trong đời sống vật chất của cộng đồng người Việt ở Lào*”, Viện dân tộc học, Viện Khoa học Xã hội quốc gia Lào

31. Khamphang Sengkha Mchan (2009) “*Giáo trình lịch sử Lào 3, ngành sư phạm phổ thông trung học*”, Nhà xuất bản Giáo dục, Viêng Chăn.
32. Sở lao động và tiền trợ cấp phúc lợi xã hội tỉnh Champasak. “*Ngành nghề của người Việt Nam sang Lào kiếm sống làm ăn tại tỉnh Champasak năm 2016*”
33. Sở chỉ huy bảo vệ an ninh tỉnh Champasak “*Thống kê người Việt Nam tại tỉnh Champasak năm 2013-2014, 2014-2015, 2015 -2016*”
34. Trường tiểu học Hữu Nghị Việt-Lào huyện Pakse, tỉnh Champasak (2016) Thống kê các giảng viên và học sinh Trường Tiểu học Hữu Nghị Việt-Lào từ năm 2013-2016.
35. Tổng hội người Việt Nam tại Pakse (2014), “Quyết định về việc công” nhận Ban chấp hành Hội người Việt Nam tỉnh Champasak” số 19/Q-TL/2014, tại Pakse ngày 23/6/2014.
36. Ủy ban nghiên cứu, biên soạn và viết lịch sử tỉnh Champasak (2015), “*Lịch sử tỉnh Champasak* NXB nhà nước.
37. Xomthon Yerlobliyao (2008), *Chuyển đổi bản sắc văn hóa trong nhóm hôn nhân chồng Lào ở Việt*. Nxb Thế giới Hà Nội.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH HỘI NGƯỜI VIỆT NAM TỈNH CHAMPASAK LẦN THỨ NHẤT

Theo cuộc họp của Hội người Việt Nam tỉnh Champasak lần thứ nhất ngày 23 tháng 4 năm 2012 đã thành lập Ban Chấp hành Hội người Việt Nam tỉnh Champasak, gồm:

1. Ông Lê Văn Nhung - Chủ tịch Hội người Việt Nam tỉnh Champasak
2. Ông Trần Quang Huy - Ủy viên thường vụ tỉnh, Phó chủ tịch Thường trực.
3. Ông Ngô Lịch - Ủy viên thường vụ tỉnh, Phó chủ tịch Hội.
4. Ông Trần Sơn - Ủy viên thường vụ tỉnh Hội Phó chủ tịch Hội.
5. Bà Võ Thị Kim Loan - Ủy viên thường vụ tỉnh Hội, Phó chủ tịch Hội.

Nguồn: Tư liệu điền dã của tác giả

Phụ lục 2

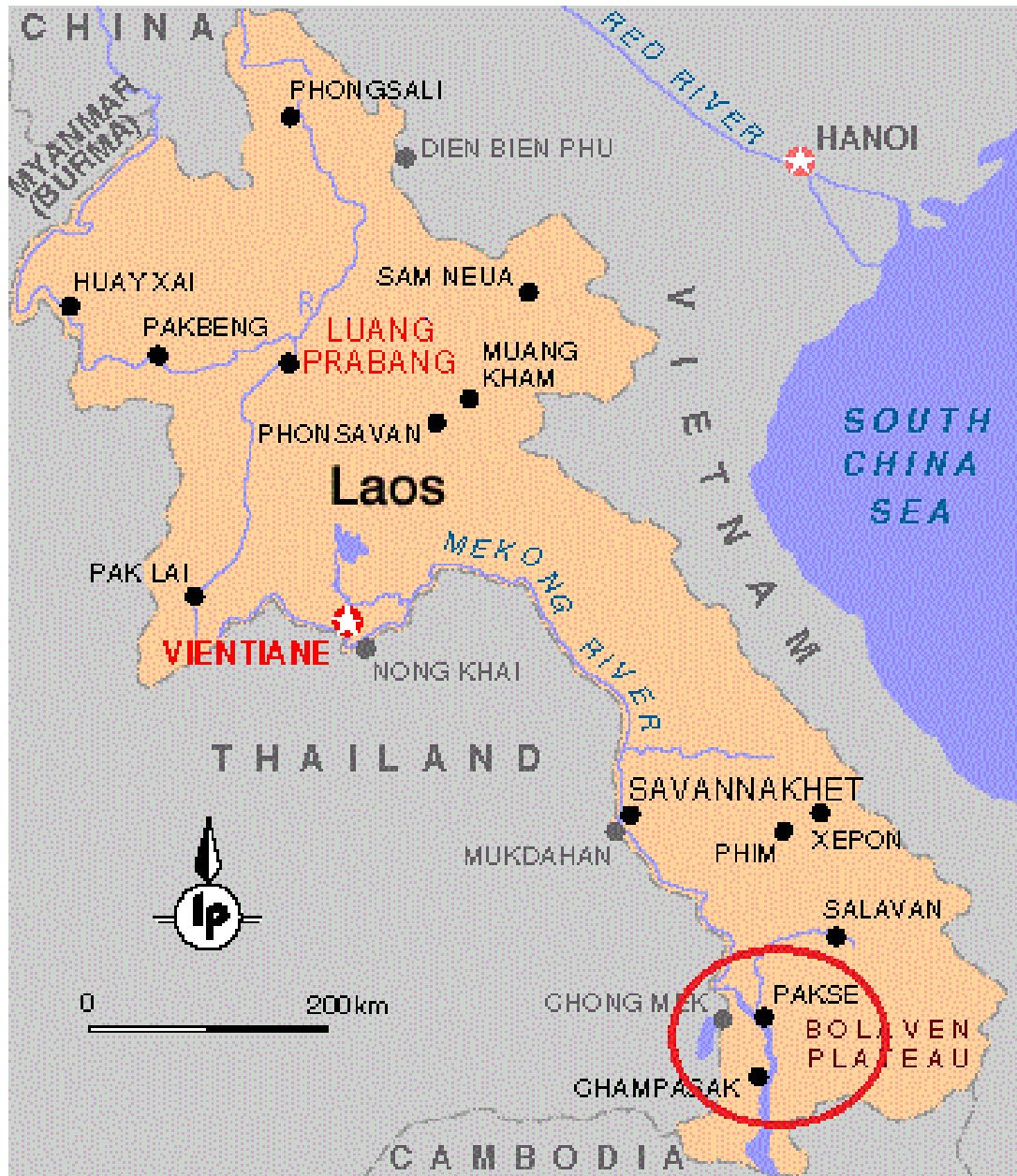
LÀNG THA HIN, THA HY, CHAMPASAK

Tha Hin nằm tại huyện Pakse, tỉnh Champasak. Theo các già làng thì người Việt chạy lên đây vào cuối thế kỷ XIX (khoảng những năm 1892). Có thể nói, trên khắp đất nước Lào không có bất kỳ nơi nào như Tha Hin, cảnh quan làng quê Việt Nam được tái hiện tương đối nguyên mẫu. Ven con đê uốn lượn dọc theo dòng sông, những cánh đồng lúa mượt mà, xa xa là những mái nhà tranh thấp thoáng sau lũy tre làng, những con đường mòn quang co dẫn tới đình làng cổ mái ngói đỏ tươi, vừa trang nghiêm lại vừa thân thiết. Theo cách hiểu của người già là người Lào gốc Việt tại Tha Hin thì trong tiếng Lào, “Tha Hin” có nghĩa là nơi “*yên bình*”. Trước khi người Việt tới cư trú tại đây, người đứng đầu cai quản khu vực này gọi là ông Xiêng. Khi người Việt tới định cư tại đây, để nhớ tới ông Xiêng nên đã đặt tên là Tha Hin. Đã có thời (sau năm 1975) tên Tha Hin đã được đổi theo cách Việt hóa thành Xuân Vang, nhưng dân bản địa người Việt tại địa phương đã không tán đồng tên gọi mới, nên tên Tha Hin vẫn được giữ nguyên.

Tha Hin được biết đến như là một trong những cái nôi của người Việt tại Lào. Nhiều người Việt đã tới đây hoặc sinh ra và lớn lên ở làng này rồi di cư đến nhiều nước khác để làm ăn, sinh sống và trong tâm thức của họ, Tha Hin luôn luôn là nơi “*chôn nhau cắt rốn*”.

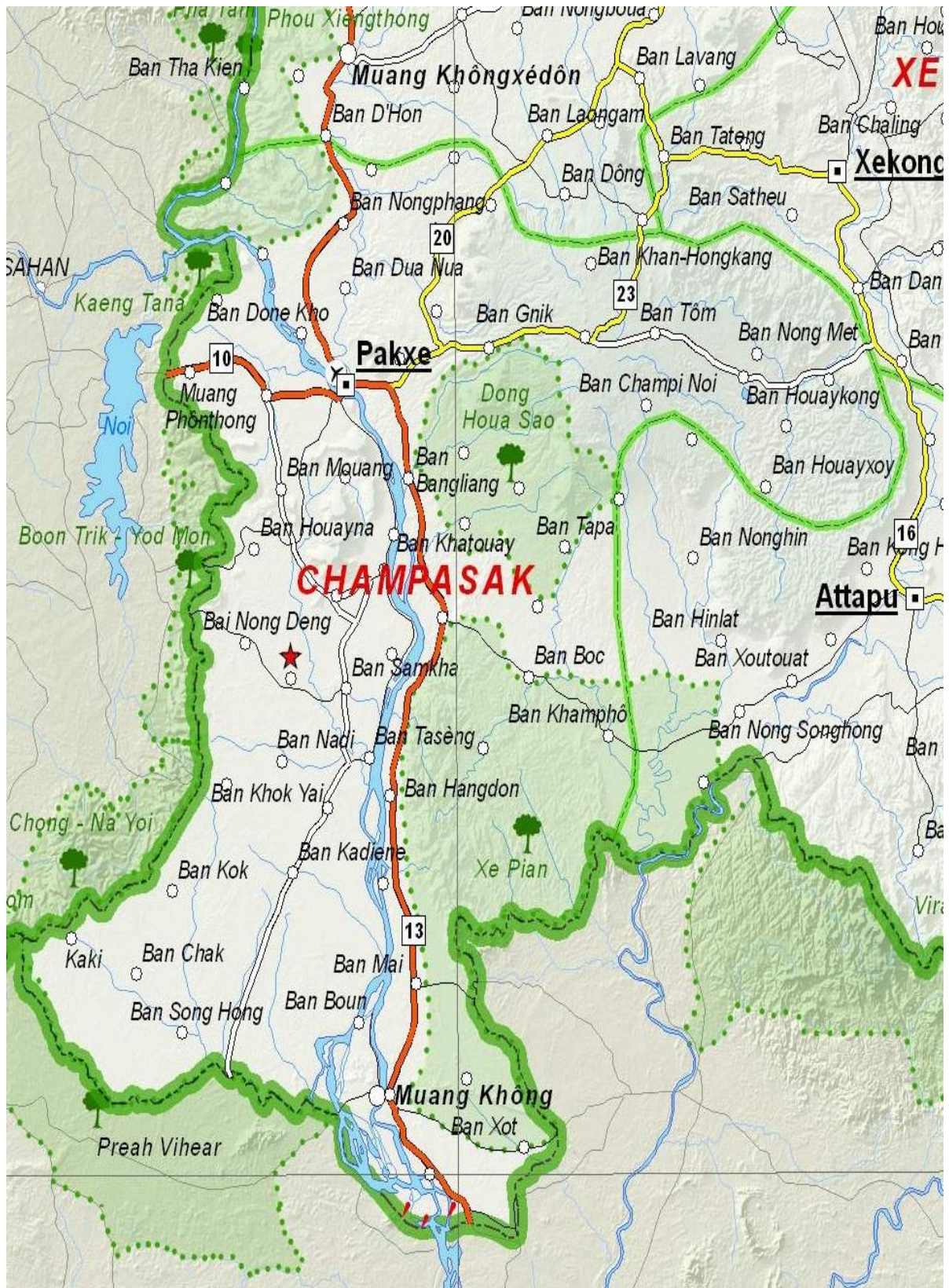
Phụ lục 3

**BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH NƯỚC CHDCND LÀO
VÀ TỈNH CHAMPASAK**



Laos

Hình 1: Bản đồ nước CHDCND Lào



Hình 2: Bản đồ hành chính tỉnh Champasak, CHDCND Lào

Phụ lục 4

**MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ KINH TẾ CỦA NGƯỜI VIỆT
Ở CHAMPASAK**



Hình 1, 2: Công ty Cao su Việt- Lào ở tỉnh Champasak
(Tác giả chụp ngày 30/11/2017)



Hình 3, 4: Người Việt buôn bán ở Pakse
(Tác giả chụp ngày 30/11/2017)



Hình 5, 6: Khách sạn của người Việt ở Champasak
(Tác giả chụp ngày 7/12/2017)



Hình 7, 8: Ga Ra CHOI (PHÁP) tại thị xã Pakse
(Tác giả chụp ngày 7/12/2017)



Hình 9, 10: Ga Ra NGUYỄN VĂN NAM tại thị xã Pakse
(Tác giả chụp ngày 7/12/2017)



Hình 11: Bà bé, bán lẻ tại bến xe cây số 2



Hình 12: Cách phơi sợi phở khô tại làng Phahin



Hình 13: Quán cắt tóc nam, nữ tại Pakse
(Tác giả chụp ngày 8/12/2017)



Hình 14: Quán Cơm Hương Mekong tại Pakse
(Chụp ngày 8/12/2017)

Phụ lục 5

**MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ VĂN HÓA CỦA NGƯỜI VIỆT
Ở TỈNH CHAMPASAK**



Hình 15: Chùa Trang Nghiêm ở xóm Tân An đầu cầu Pakse, Champasak
(tác chụp ngày 5/12/2017)



Hình 16: Chùa Long vân ở xóm tha loung, Pakse, Champasak
(tác giả chụp ngày 5/12/2017)



Hình 17: Chùa Kim Sơn ở xóm Sâmbay Pakse
(tác giả chụp ngày 5/12/2017)



Hình 18: Câu lạc bộ Hội người Việt tại Champasak (Chụp ngày 5/12/2017)



Hình 19: Trường Hữu Nghị Champasak
(tác giả chụp ngày 7/12/2017)



Hình 20: trường học Mẫu giáo xóm Thà hín
(tác giả chụp ngày 21/10/2017)



Hình 21, 22: Tổng Lãnh Sự Quán Việt Nam Tại huyện Pakse,
tỉnh Champasak (tác giả chụp ngày 6/12/2017)

Phụ lục 6

NHỮNG NGƯỜI CUNG CẤP TƯ LIỆU VÀ THÔNG TIN

| STT | Họ và tên | Tuổi | Địa chỉ |
|-----|----------------------------|------|--|
| 1 | Ông xang | 81 | Làng Tha Hy, Champasak |
| 2 | Ông Nguyễn Thi Thu | 73 | Làng Unguodom, Huyện Pakse, Champasak |
| 3 | Ông Thắng | 59 | Làng Tha Hin, Tha Hy, Champasak |
| 4 | Bounthy Phosi | 64 | Công an huyện Pakse, Champasak |
| 5 | Onsa Sichan | 68 | Phòng Lao động và phúc lợi xã hội huyện Pakse, Champasak |
| 6 | Ông Cao Định Hạnh | 58 | Chủ tịch hội tỉnh Champasak |
| 7 | Ông Văn Thơ KeadChampa | 57 | Hiệu trưởng trường Hữu nghị Champasak. |
| 8 | Ông Daophon Thyheed | 47 | Sở chỉ huy bảo vệ an ninh tỉnh Champasak |
| 9 | Ông Bouaphong suvanasan | 36 | Sở truyền tin và văn hóa tỉnh Champasak |

Nguồn: Tư liệu điền dã của tác giả